

Tác Giả và Tác Phẩm

Bùi Giáng (I)

Tiểu sử

Sinh ngày 17-12-1926 (Bính Dần) tại Vĩnh Trinh Duy Xuyên Quảng Nam.
Mất ngày 17.8.1998 (Mậu Dần).

Tác phẩm

Martin Heidegger và tư tưởng hiện đại – Hamlet (Shakespeare)
Ngộ nhận (Albert Camus), Khung cửa hẹp (André Guide).



Mục Lục

Chùm thơ Bùi Giáng - 2

Bùi Giáng - Võ Phiến – 9

Vài kỷ niệm với Bùi Giáng – Mai Thảo – 11

Bùi Giáng: Nhà thơ của ngày tháng ngao du - Cung Tích Biền – 15

Bùi Giáng trong tôi - Hoàng Phủ Ngọc Tường – 25

Kẻ cuồng sĩ trong vườn cây - Phạm Xuân Đài – 28

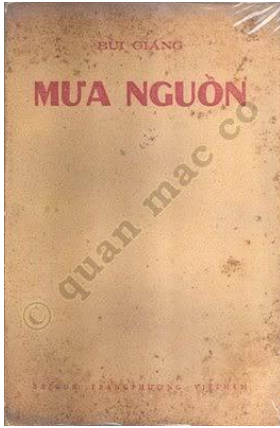
Phụ đính :

Giai thoại nhà thơ điên Bùi Giáng

Giai thoại nương tử Kim Cương

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Chùm thơ Bùi Giáng



Hư vô và vĩnh viễn

Cũng vô lý như lần kia dưới lá
Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành
Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ
Khi lỡ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh
Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ
Tiếng kêu kia còn một chút mong manh
Dòng nước nở như tia hồng đốm đỏ
Lạc trời cao kết tụ bóng không thành
Lá cũng mất như một lần đã lỡ
Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh
Trời còn đỏ giữa tháng ngày lỡ dở
Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình
Đường vất vả vó ngựa chồn lão đảo
Cồn sương đi vào sương lạnh miên man
Bờ bến cũ ngậm ngùi sông nước dạo
Đêm tàn canh khắc ngọn nguyệt gương ngàn
Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống
Ngón trên tay và tóc xơ trên đầu
Tình đếm lại muôn vàn thời đã uổng
Để bây giờ em có biết nơi đâu
Bờ trùng ngộ một phen này phen nữa
Tờ cỏ thơm như lệ ứa pha hồng

Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp úa
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không

Ăn mặc nâu sồng.

Thấy nàng ăn mặc nâu sồng
Bỗng mơ tưởng tới ruộng đồng hoang liêu
Lầu xanh dứt nhịp phù kiều
Tà xiêm bạo động tư triều giậy cơn
Nâu sồng ăn mặc sớm hôm
Đêm nằm ngó nguyệt sáng dòm song the.



Bò khát bia
tranh Bùi Giáng

Tháng năm

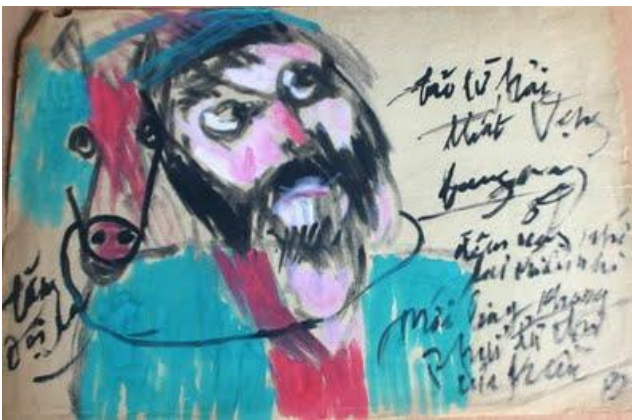
Tháng năm về điểm sơn xuyên
Trên tàn phế dựng muôn ngàn cỏ hoa
Bây giờ em đứng nơi đâu
Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao

Quán phở cô nương

Ghé qua quán phở phen này
Ruộng nương tơ cỏ mỏng dày cô nương
Phường qua phố bỏ bên phường
Phố qua mộng bỏ cho phường phố chơi
Tinh sương nguyệt mọc trăng mờ
Nguyệt lam trăng lục sương ngời dòng ngân
Ghé qua phường vấn thì trần
Phố thân trì lịch hành trần hồng hoang
Phố thơm hương phở phường vàng
Dâng mùa lễ hội muộn màng chiều hôm
Hoàng hôn niệm tưởng hôn hoàng
Hồi quy lai nguyệt phục tràng cổ nguyên
Nhớ nhung lộn cõi ra miền

Gọi làm nương tử nuông tiên xa trời
Hai chân phường phố dịch đời
Phở di phở bún phường đời nếp than
Phở di bún nguyệt bao hàm
Phường di phở tuyết sương lan ngậm vành
Cô nương lục ngọc ngà thành
Hành du di lịch hà thanh nhiên ngà
Tha nhiên quận quốc tha đà
Tha trường khách địa tha sa lâm triều
Tha nhiên trường khách trần nhiều
Tha phường phố phở pha nhiều ớt cay
Tha tương giấm thịnh phồn thai
Tha nùng nhị mật phơi mai băng thoàn
Tha hàn cốc úc lãnh nham
Tha u hác tận tuyết tàng ẩn nhai
Tha hình thể lệ phong lai
Thành thân phong quận châu quai nhai quần
Tha thân quần giục tà huân
Tha quần thân giậy tình xuân my toà
Thập thành công lực mù sa
Tha hành lịch tận tình nga nguy thần
Cô nương kỳ vĩ xoay vần
Lò Gòn khai hải anh thần thiên thu
Gió Bờ Liễu
Giậy Phù Du
Gió đàn nhị nguyệt sa mù nhượng phơi
Gió Miêu Cương giục giã lời
Hồn sa mạc ngoại trang đời đầu non
Đầu Núi Lộng
Nguyệt Soả Ngồn
Đuôi rừng rìa núi mép mòn cuối trường
Còn Đất Trắng
Mở Hoa Sương
Giọt hoe vàng gội cỏ hương lên màu
Hoa Ngàn mộng ủ sương thâu
Cồn sương đất trắng nhớ nhau bao lần
Ghé phường phố gọi lâm râm
Hỏi tô hủ tiểu thành phần phường lan
Hỏi tô phở tái dồn làn
Mấy thân thu mỏng giấn ngàn mấy hoa
Hỏi bước vào
Hỏi bước ra
Hỏi câu chất vấn mà ra gọi rằng
Hỏi lần tao ngộ dưới trăng
Chừng như cỏ rậm bảo rằng giậu thưa
Bình nguyên mọc ngược bốn mùa
Về sương cảm nguyệt khôn giữa đâu đâu
Em mọi nhỏ
Mộng chưa sâu
Kẻ đi suốt xứ nhớ đầu tiên trường
Đôi phen mọi tấm suối nguồn

Đôi phen mọi có ở trường đôi phen
Tuy nhiên ngôn ngữ nói rằng
Lời chưa nói vẫn lời hằng đã trao
Còn lựa hơi thở miệng đào
Hôm qua kỳ mộng giọng nào đã nghe
Ngày sau chuyện cũ nắng hoe
Rừng thiêm thiếp ngủ gió về trong sương
Tàn canh với mộng đêm trường
Những em mọi với mán mường nín thinh
(Triền miên ký ức u tình
Chiều xanh hải đảo sóng bênh bồng mây
Mùa xuân hiện giữa ngàn mai
Nguyên hình Em Mọi trên ngày phù du)



Lão Từ Hải thất vọng
tranh Bùi Giáng

Cây cỏ giậy thì

Em đi cây cỏ giậy thì
Ngày xuân vô lượng cùng đi lên đường
Trùng lại giây phút phổ phường
Niềm vui quá khứ phi thường hồi sinh

Hãy vô ngôn

Giập đầu vái tạ cô nương đẹp
Dám hỏi bao giờ có đẹp hơn
Miệng ngọc cười xòa lên tiếng đáp
Rằng xin các hạ hãy vô ngôn.

Mai sau em về

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy chẳng
Ta đi còn gởi đôi giòng
Lá rơi có dội ở trong sương mù !

Những thương nhớ lạnh bao giờ
Đường Thu chia ngã chân trời rộng tênh
Đây phồn hoa của thị thành
Đây hồn thủy thảo khóc tình ngựa ngang
Càn khôn xưa của riêng chàng
Xưa đài vũ trụ thiếp mang riêng mình
Bây giờ đón bước em xinh
Sầu đau nhan sắc bất bình ra sao ?



Chân dung tự họa
tranh Bùi Giáng

Gởi thôn nữ Vĩnh Trinh

Tám quần em rách đường tơ.
Cỏ trong mình mấy bâng quơ mọc nhiều,
Bây giờ em đứng nơi đâu.
Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao.

Trước khi

Trước khi về chín tuổi
Em xin gửi đá vàng
Của trăm năm buồn tủi
Về trở lại nhân gian

Em về ra sao

Em về mấy thế kỷ sau.
Hồn ngân tiết điệu câu chào vọng qua.
Em đi lòng độ giang hà.
Cỏ mùa thu mọc chớm già chợt non.



Khi lừa bò
tranh Bùi Giáng

Bao giờ

Bằng bút chì đen
Tôi chép bài thơ
Trên tường vôi trắng
Bằng bút chì trắng
Tôi chép bài thơ
Trên lá lục hồng
Bằng cục than hồng
Tôi đốt bài thơ
Từng phút từng giờ
Tôi cười tôi khóc băng quơ
Người nghe cười khóc có ngờ chi không
Một đời
Một đời đâu chốn đâu nơi
Đâu người đi kẻ ở đời đâu đâu
Em đi từ tỉnh mộng đầu
Một mình anh ở mang sầu trăm năm
Em từ vô tận xa xăm
Trùng lai chất vấn: từ trăm năm nào?
Gió
Gió qua đồi núi cheo leo
Gió chào em Mọi bên đèo đầu truông
Giữa đèo rớt cuộc một muôn
Bên giòng suối mát cõi trường ngồi chơi
Nhân vì có việc qua đời

Thấy em xinh đẹp tôi ngồi ngắm em
Thế rồi công việc bỏ quên
Chỉ còn có biết ngắm em thôi mà
Về sau khắp bến giang hà
Nơi nào cũng thấy ngọc ngà đèo truông

Người con gái mặc quần

Người con gái hôm nay mặc quần đỏ
Vì hôm qua đã mặc chiếc quần đen
Đen và đỏ là hai màu rời đó
Cũng như đời, đường hai nẻo xuống lên

Người con gái hôm nay mặc quần trắng
Vì hôm qua đã mặc chiếc quần hồng
Hồng và trắng là hai màu bên lén
Cũng như núi và rừng đều rất mực chên vênh

Người con gái hôm nay mặc quần tím
Vì hôm qua đã mặc chiếc quần vàng
Vàng và tím là hai màu mím miệng
Mím môi cười và chúm chím nhe răng

Người con gái hôm nay mặc quần rách
Vì hôm qua đã mặc chiếc quần lành
Lành và rách đều vô cùng trong sạch
Bởi vì là lành rách cũng long lanh.

Rong chơi

Ngao du tuế nguyệt thập thành
Nắng mưa chìm nổi đã đánh lâm ly
Hoàng hôn vĩnh dạ thuận tùy
Bình minh tái tặng nhu mỳ cho em.

Bùi Giáng

Trịnh Công Sơn

Anh Sơn vô tận bấy chầy
Tôi từ lẻo đẻo tháng ngày trải qua
Niềm thống khổ đứt ruột rà
Còn chẳng? chỉ một ấy là là chi (Bùi Giáng)

Bùi Giáng

Bùi Giang Bàng Dúi Bùi Giáng
Ồ hay trăm ngổ bàng hoàng lỗ không

Lỗ không trời đất ngõ ngang
Hóa ra thi thể là ngàn hư vô

Nhớ thương vô cùng là từ
Là từ vô tận ừ ừ viễn vọng

Trịnh Công Sơn - 1998
(viết trong sổ tang của thi sĩ Bùi Giáng tại chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn)

[Lời người chép: Xin chép ra đây bài thơ Mất Buồn của Bùi Giáng, trong đó có một câu ở trong bài Con Mất Còn Lại của Trịnh Công Sơn. Chúng tôi không biết là ai ảnh hưởng ai, chỉ chép ra đây để nhờ các bạn nào biết hơn chỉ dẫn giùm]

Gỗ Cửa Tồn Sinh

Suốt đời phải thức suốt đêm
Suốt ngày ngủ nướng mới nên con người
Tồn sinh quá khứ chôn vùi
Cơn say suốt kiếp - trận cườì thâm canh
Bình sinh lao khổ đã đành
Cũng từ bình sử tỵ thành mà ra
"Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh"

Bùi Giáng Vỡ Phiến

Mở đầu một bài báo được đăng trên tạp chí *Giao Điểm* cuối năm 1992, ông Phạm Xuân Đài viết: "Hiện nay có lẽ không có một người nào trong giới văn nghệ trước đây ở miền Nam, và có lẽ cả nước, được yêu mến như Bùi Giáng."

Tôi bất giác kêu thẳm: "Đúng quá!"

Kêu xong, tôi bẽn lẽn. Ông Phạm không nói đến một cuộc trưng cầu dân ý, cuộc thăm dò, cuộc điều tra nào; mà tôi cũng không hề có lấy một chút căn cứ, biết đâu là đúng là sai. Vậy mà tôi vẫn không rời được ý kiến của ông Phạm.

Ai cũng biết mấy năm gần đây ngành xuất bản gặp khó khăn: Sách không bán được mấy nữa. Và trong các loại sách, khó bán nhất là thơ. Thậm chí nhiều hiệu sách dứt khoát từ chối, không nhận bán thi phẩm. Trong tình cảnh ấy lắm thi sĩ trong nước cũng như ngoài nước sinh ngán ngảm, chính thơ mình viết ra cũng không dám nghĩ tới việc tìm được cơ hội cho nó chào đời. Vậy mà năm 1990, một nhà xuất bản ở Gia-nã-đại cứ cho ấn hành một tập thơ Bùi Giáng dày cộm, tung sách ra trong một buổi ra mắt quy tụ bao nhiêu là khuôn mặt quan trọng của văn giới hải ngoại.

Ai cũng biết việc mang văn hoá phẩm từ nước ta ra nước ngoài không tự do. Nhất là tác phẩm của những văn thi sĩ Miền Nam nổi danh trước 1975. Vậy mà thỉnh thoảng vẫn có những bà con khi thoát nước ra đi, cố cất giấu trong người, trong hành lí, hoặc dăm ba bài thơ, hoặc mấy câu thủ bút của Bùi Giáng. Thứ quốc cấm ấy lọt ra ngoài, gặp ngay sự đón tiếp nồng hậu. Báo này báo nọ đăng lên, in cả thủ bút thân yêu. Bà con Việt kiều bắt được, hoặc trong lúc thưởng thức miếng *chocolat*, hoặc đang nhâm nhi tách cà-phê, hứng chí mừng rỡ: "Đích thị Bùi Bằng Giúi chính cống rồi. Vẫn y nguyên giọng thơ trung niên ấy. Thích thật!" Và cười ha hả.

Thích thế nào? Đó biết. Cũng ông Phạm Xuân Đài bảo: "Có điều lạ là trong những người yêu mến và kính phục Bùi Giáng ấy không ít người chưa từng đọc thơ hoặc bất cứ thứ gì anh viết,

hoặc đã đọc nhưng vị tất đã hiểu. Không cần."

Không đọc, không hiểu, tại sao lại yêu lại mến? Yêu qua loa nhất thời hay yêu mãi nghìn năm, yêu vượt thời gian? Khó quá. Ai mà trả lời nổi. Chuyện xa vời không biết được. Chỉ biết người ta đã yêu Bùi Giáng suốt cuộc chiến tranh, yêu giữa những tháng năm tan tác vì bom đạn. Rồi lại yêu Bùi Giáng trong cảnh lưu lạc tha hương. Có gì trong Bùi Giáng liên hệ đến những hoàn cảnh ấy chẳng? Hoặc giả có gì trong Bùi Giáng liên hệ đến những nét cố hữu nào đó trong tâm hồn chúng ta chẳng? Chưa ai biết về những cái ấy. Chỉ biết cái yêu này là có, là thật, và rất hồn nhiên. Bùi Giáng không bè không cánh, không quảng cáo quảng kiếu, không khéo léo tranh thủ ai, cũng không thủ đoạn lôi kéo ai. Chẳng những không "khéo", thường khi ông còn gây lúng túng cho kẻ khác: như những mẫu thân này mẫu thân nọ, những nhan sắc được ông mến mộ hẳn không khỏi có lúc bối rối về sự tung hô lớn tiếng của ông. - Mặc kệ. Ai nấy cứ yêu Bùi Giáng.

Rất có thể những cái kì cục của ông là một hiện tượng bệnh lí. Rất có thể cái yêu Bùi Giáng, mê Bùi Giáng, là hiện tượng tâm lí quần chúng, tâm lí xã hội, trong một hoàn cảnh nào đó; chứ không phải là sự kiện liên hệ đến văn chương nghệ thuật? - Mặc kệ. Vẫn nên suy nghĩ về Bùi Giáng, trong một tác phẩm nói về thơ.

Riêng tôi, tôi chịu cái lối ông phê bình thơ.

Ông đã phê bình nhiều thi sĩ, thi sĩ tiền bối trước chúng ta nhiều thế kỉ cũng như thi sĩ cùng thời, đang sống với chúng ta. Hãy xin cử ra trường hợp ông Bùi nói về tiền bối Nguyễn Du. Ông chọn một câu Kiều ai nấy đều biết ("phong lưu rất mực hồng quần"); từ câu ấy ông lại chọn khen cái chữ "hồng quần". Ông đem "hồng quần" so với "quần hồng", rồi so với đàn bà; ông đùa với chữ này, bỡn với chữ kia, cợt nhả với chữ nọ. Xong rồi, ông lôi bản dịch của Crayssac ra mà chế giễu đã đời. Ấy là chuyện *Ngao du ngày tháng* (1971) của ông Bùi.

Khi khác, *Đi vào cõi thơ* (1969) của các thi sĩ cùng thời với mình, Bùi Giáng càng tỏ ra tinh quái quá lắm. Chẳng hạn về trường hợp một thi sĩ nọ -đồng hương với ông- ông nói qua nói lại một hồi, rồi ông bảo trót đánh mất tập thơ của bạn nên không trích được bài nào. Sau này, có dịp cầm chính tập thơ nọ trong tay, tôi loanh quanh tìm mãi không thấy có bài nào trích được! Vậy Bùi Giáng có mắt sách thực chẳng? Và không tìm ra cuốn sách nào khác của bạn thực chẳng? Lẽ nào ba mươi năm trước ở Việt nam thơ ấy khó tìm hơn ba mươi năm sau ở Mĩ?

Vả lại, không chỉ có trường hợp người bạn vừa kể. Chuyện như thế xảy ra đều đều. Nói về một thi sĩ khác, ông bảo khỏi cần trích thơ, chỉ cần nêu ra các tên bài cũng đủ. Và ông liệt kê một loạt tên bài tùm lum; chỉ có tên bài thôi. Có nhiều thi sĩ, ông "đi vào cõi thơ" của người ta một hồi mà không thấy ông chọn được bài nào, thậm chí một ý hay một câu hay, một chữ đẹp cũng không! Như thể bạn tâm chứng minh là một bạn tâm nhỏ mọn quá, ti tiểu quá, không đáng lí đến. Đi vào bất cứ cõi thơ cõi văn nào của bạn bè quen biết xa gần là cái khó. Năm khi mười họa, gặp cõi đắc ý khen âm lên, bốc nhau tận mây xanh, thì nhất. Còn như lâm vào cái thế phải nói về hết bạn này đến bồ kia, thì lắm lúc kẹt muốn chết. Thế mà ông Bùi cứ khơi khơi, tỉnh bơ, cười cười, "vui thôi", tránh thoát mọi rắc rối phiền hà dễ như chơi. Gặp người tài tình như vậy mà ta cứ nhanh nhẩu xông vào đòi bình thơ của người ấy thì là một việc làm vô duyên và không thích hợp chút nào. Thích hợp nhất là nghe chính Bùi Giáng bình thơ Bùi Giáng.

Có việc ấy chẳng? - Có đấy. Bùi Giáng từng làm việc ấy cách tuyệt vời. Hãy nghe:

"Những bài thơ chuẩn chuẩn châu châu của ông (Bùi Giáng tự gọi mình như thế) quả thật là có ý nghĩa. Nó bay nhẹ vi vu quả có đúng như là phận mỏng cánh chuồn. Vào những buổi sáng mùa đông lạnh lạnh ở Trung Việt, vào những buổi chiều mùa thu ở Bắc Hà, hình bóng những con chuồn chuồn bay lượn cuối ngõ, đầu sân, quả thật là tha thướt. Đôi phen cái tiết điệu riêng biệt ấy cũng còn tái hiện trong đôi vằn phồn hoa, mặc dù ở phồn hoa không bao giờ có chuồn chuồn bay vòng múa lượn. (*Đi vào cõi thơ*, Ca Dao, 1969, trang 93)

Thế là phong cách thơ Bùi Giáng đã được xác định rõ ràng. Nhưng cũng có người thắc mắc: "Thơ chuồn chuồn châu chấu" là thơ gì? - Về chỗ thắc mắc ấy, Bùi Giáng cũng đã có lời giải thích. Giải thích rất mực bay bướm. Người đời tha hồ đọc đi đọc lại nghĩ tới nghĩ lui hết ngày này qua ngày khác, càng nghĩ càng thấm. Xin lược chép dăm ba câu:

"Bay lơ lửng loanh quanh, ấy là con chuồn chuồn. Bay mà cũng như không bay, ấy là con chuồn chuồn. Khiến người ta nhớ nhưng mà chẳng rõ nhớ nhưng cái gì, ấy là con chuồn chuồn. Hiện diện gần gũi mà xa vắng như trong lớp mù sương, ấy là con chuồn chuồn. Xa vắng thơ ngây hơn cả mây hay hạc lánh, ấy là con chuồn chuồn.(...) Vô khả vô bất khả, ấy là con chuồn chuồn. Mang vô lượng a tăng ki kiếp về trong mỗi sát-na, ấy là con chuồn chuồn. Mười phương quốc độ đi vào một lỗ chân lông, ấy là con chuồn chuồn. (...) Làm thơ hay hơn ông Nguyễn Du, ấy là con chuồn chuồn. Làm thơ dở hơn ông Nguyễn Du, ấy là con chuồn chuồn. Chẳng còn biết sao gọi là hay, sao gọi là dở, ấy là con chuồn chuồn. Dờ tức là hay, hay tức là dờ, ấy là con chuồn chuồn. Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu, hữu thị bất-hữu-đích-hữu, vô thị phi-vôđích-vô, ấy là con chuồn chuồn. Có tức là không, không tức là có, có tức là có-chẳng-có, không tức là không-chẳng-không, ấy là con chuồn chuồn. Ăn nói tục tĩu, ấy là con chuồn chuồn. Vì tục mà nên tiên, vì tiên mà nên tục, ấy là con chuồn chuồn. Tối-huyền cố tối-chân, tối-chân cố tối-huyền, tối-huyền thị bất-tối-huyền, tối-chân thị phi-tối-chân-đích-tối-chân, ấy là con chuồn chuồn..." (*Ngày tháng ngao du*, trang 81, 82)

Đến đây, tưởng Bùi Giáng trình bày về thơ ông đã rõ ràng đầy đủ.

Về việc chọn trích thơ ông, tôi cũng theo sát sự hướng dẫn của ông, tức chọn hai bài thí dụ về thơ chuồn chuồn châu chấu: bài "Giữa phố" và bài "Bóng dương buồn ngủ". Ngoài ra, xin thêm mấy bài nữa. Cũng là thơ chuồn chuồn châu chấu, cố nhiên, nhưng tần mần ngắm nghĩa hồi lâu, xem chừng có tướng mạo đại bàng cũng nên.

Vài Kỷ Niệm Với Bùi Giáng Mai Thảo

Nhiều buổi chiều Sài Gòn, tôi chẳng còn có thể nhớ đích xác vào những năm nào, đầu như năm 1962, đầu như năm 1965 (nếu sai, nhờ hai anh Cung Tiến, Phạm Công Thiện nhớ lại dùm cho), tôi thường được mời tới những họp mặt ăn nhậu trên căn lầu ngăn nắp, thoáng mát của thầy Thanh Tuệ ở đường Lý Thái Tổ. Mỗi họp mặt với Thanh Tuệ, hồi đi là giám đốc của nhà xuất bản An Tiêm và còn là nhà sư trẻ tươi tắn chưa cởi áo hôi tục, thường vì một cuốn sách. Một cuốn sách mới, vừa in xong chưa ráo mực. Và trước khi gởi sách vào nắng mưa đời, họp mặt An Tiêm với thân hữu là một tiệc rượu lạc thành cho sách.

Những họp mặt vì sách và do sách đó thường có tôi, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, đôi khi Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sĩ, và đương nhiên nhân vật chủ chốt là tác giả sách là Bùi Giáng. Tôi chỉ kể tới Bùi Giáng, bởi suốt thời kỳ đó, có thể nói, thầy Thanh Tuệ vì một tấm lòng liên tài đặc biệt, chỉ mê thích thơ văn Bùi Giáng, chỉ in Bùi Giáng, dành trọn phương tiện cho ưu tiên xuất bản trước mọi tác giả khác. Và giai đoạn có thể đặt tên là giai đoạn Bùi Giáng này, An Tiêm đã in đêm in ngày, in mệt nghỉ, vì những năm tháng đó chính là những năm tháng đánh dấu cho thời kỳ sáng tác kỳ diệu sung mãn nhất của Bùi Giáng, cõi văn cõi thơ Bùi Giáng bấy giờ ào ạt vỡ bờ, bát ngát trường giang, mênh mông châu thổ, Bùi Giáng bấy giờ mỗi tuần viết cả ngàn trang khiến chúng tôi bàng hoàng khiếp đảm, ngôn ngữ và tư duy của Bùi Giáng hiển lộ tới không bèn không bờ, vô cùng vô tận, và tài năng ông cũng vậy.

Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương. Vậy mà mỗi lần gặp thi sĩ hồi đó, cảm tưởng bao giờ cũng giữ được là đã gặp một Bùi Giáng rất nhàn rỗi, rất rong chơi. Bước chân vào nhà Thanh Tuệ chúng tôi đã thấy Bùi Giáng ngồi trước đó, tươi cười, ung dung, trong cái phong thái của một người nhàn nhã nhất thế giới, chẳng có một dấu vết nào của một người viết đang gió táp mưa rơi trên ngàn ngàn trang sách. Có như Bùi Giáng trước sau vẫn đang chập chờn với đời như một cánh bướm, lững thững với đời như một áng mây. Có như Bùi Giáng, cái áo vải cũ, râu tóc để mặc, điều thuốc trên tay, chén trà trước mặt, vẫn chỉ ngồi chơi thảnh thơi ngày ngày với An Tiêm như thế. Sau này, sống với Bùi Giáng nhiều hơn, tôi cũng chỉ thấy Bùi Giáng như hồi đầu thấy ở An Tiêm.

Trong một phiêu hốt, một ung dung chưa từng thấy. Có như, trọn một đời cái đầu của thi sĩ không một chút nào dành cho suy nghĩ, bàn tay thi sĩ không một phút nào dành cho cây bút. Có như trang giấy trắng, mặt bàn viết là những vật thể xa lạ chẳng bao giờ ông biết tới. Vấn tất là Bùi Giáng chẳng làm gì hết, chẳng ai một lần nhìn thấy Bùi Giáng đang làm gì hết. Mà hoàn toàn phiêu bông, hoàn toàn rong chơi. Vậy mà cái sức viết hồi đó đến như Bùi Giáng là tột đỉnh, là không tiền khoáng hậu. Vậy mà cái lực viết đến như Bùi Giáng và thấy Bùi Giáng là ngàn người không một, là phi phạm, là vô địch rồi. Một lần, tôi đem cái điều khó hiểu này ra hỏi một người cũng làm thơ thật nhiều, cũng làm thơ rất đều tay là Thanh Tâm Tuyền. Tác giả Liên Đêm Mặt Trời Tìm Thấy lắc đầu cười: “Chịu không giải thích được. Chỉ biết Bùi Giáng khác. Với tôi. Với hết thấy. Là cái chỉ có một. Với tôi là từng bài thơ. Nói đến từng bài thơ Bùi Giáng, bài thơ này bài thơ kia của Bùi Giáng lại là chuyện tức cười lảm lảm. Bùi Giáng là cái hiện tượng dị thường của một suối thơ ăm ắp không ngừng. Đọc thơ Bùi Giáng cũng phải đọc như thế. Đứng trên đơn vị từng bài. Bùi Giáng đã ỉt tựa cho từng bài là ngắt thơ ra, ngắt chơi ra vậy thôi. Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ ra thơ, làm thơ. Ta cứ tạm hiểu cái trạng thái thơ kỳ lạ khác thường ở Bùi Giáng là như vậy.”

Sự ngược nghịch giữa cái rong chơi một đời của Bùi Giáng với cái lực thơ, cái số thơ, cái lượng thơ khủng khiếp làm ra, tôi đem hỏi thêm nhà xuất bản hằng ngày sống cùng Bùi Giáng, rồi đến chính thi sĩ, cũng không được sáng tỏ gì hơn ngoài suy diễn có tính chất phỏng đoán của Thanh Tâm Tuyền. Thầy Thanh Tuệ cũng chỉ lắc đầu cười. “Tôi cũng lấy làm kỳ”, Thanh Tuệ nói. “Anh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lều lẩn ra sàn ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẫm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giầy, nói buổi sáng buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm, bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc. Điều kỳ lạ là không riêng một thể loại mà thể loại trước tác nào anh cũng có ngay sách, dễ dàng và nhanh mau vô tả. Từ thơ đến văn. Từ một cuốn tiểu luận về Camus đến một cuốn tiểu luận về Nguyễn Du. Từ dịch thuật tiểu thuyết đến phê bình triết học. Tất cả như đùa như chơi vậy.” Nhà An Tiêm suốt mấy mùa sách, hầu như không thờ được nữa trước cái viết tràn bờ của Bùi Giáng, điều này ai cũng biết.

Rồi tôi rủ Bùi Giáng tới quán. Đãi ông uống rượu. Vặn hỏi chính thi sĩ. Để cũng chỉ được Bùi Giáng cười cười thích thú trước tìm hiểu có vẻ ngớ ngẩn của tôi. Ông không chịu giải thích, chừng như ông không có gì giải thích, sự thành hình tác phẩm nơi Bùi Giáng cuối cùng vẫn là một bí ẩn hoàn toàn trong cái vùn vụt, cái bất tuyệt thao thao, cái chớp mắt đã là của nó. Cười cười, ông đốt điều thuốc, cầm lấy ly rượu: “Vui thôi mà”. Ừ vui, ba chữ “vui thôi mà” là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông, cõi thơ vô bờ của ông trăm phương nghìn ngã mệnh mông và chính ông là hiện tượng thân của mệnh mông nghìn ngã trăm phương ấy.

Bùi Giáng nói vui thôi mà. Quả vậy, thơ ông vui cực kỳ. Con châu chấu, con chuồn chuồn. Con

chuồn chuồn, con châu chấu. Rừng Marilyn. Biển Brigitte Bardot. Ngành Novak. Đóa John Keats. Ngành Mật niệm. Đóa U Linh. Hồng Lĩnh Hạc Lâm. Quỳnh Lai Thị Xứ. Thơ đốt pháo bông, ngôn ngữ triệu triệu, như chữ thần diệu:

*Người nằm ngủ thấy gì
Thấy rất nhiều nắng lạ*

Giấc ngủ đầy nắng, đầy nắng lạ. Bùi Giáng nói vui thôi mà. Thơ ông vui thật. Từ cánh tay áo rộng, thơ bay. Từ trí tuệ gió lộng, thơ phát. Nghìn thu cổ lục. Ngày Hy Nga. Đêm bé chị. Mọi trên ngàn. Sóng Hồng Hoang. Thềm dục vọng. Thơ ghé thăm đá, thăm bàn ghế, thăm bún bò, thăm lá.

*Ghé thăm trái mận ban đầu
Bình minh bắt gặp nguyên màu ban mai*

Tiếng thơ sáng rõ, chói lọi, kỳ ảo, cánh rừng ngôn ngữ ấy suối reo, chim hót, hoa nở, cây ào ào sóng vỗ, sóng từng từng xanh cây, beo gấu rờn nghịch, con chuồn chuồn hóa thân, con châu chấu suy tưởng, những môi nhỏ hằng ngày, gì cũng là thơ, thấy đều biến dạng. Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui. Hãy đọc thơ ấy, như cùng ông đi vào một trận vui lộng lẫy. Đừng cần tìm hiểu. Đừng cần giải thích. Hãy đọc lại Mưa Nguồn, Bài Ca Quần Đảo:

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa Xuân phía trước, miền trường phía sau*

Sẽ thấy cái vẫy tay chào lấp lánh của thi sĩ. Cái sự “vui thôi mà” trước sau ông chỉ nói vậy, ba chữ này tôi ao ước được thấy khắc vào mộ chí ông khi ông mất đi, ông và giữa con đường vui, không dưới không trên, không đầu không cuối gì hết. Giữa và mùa xuân phía trước, miền trường phía sau. Thơ là người. Ngoài đời Bùi Giáng cũng thật vui. Thời kỳ Thanh Tuệ chấm dứt, nhà xuất bản An Tiêm tạm ngừng hoạt động, Bùi Giáng gặp lại Thanh Nam, Viên Linh, Vũ Khắc Khoan và tôi ở toà soạn tuần báo Nghệ Thuật và những kỷ niệm chúng tôi có với thi sĩ thời gian này vẫn là những kỷ niệm vui. Lúc này, thần thái ông ấy không còn được rạng rỡ như mấy năm về trước. Cuộc phiêu bồng qua đời sống của ông kỳ dị và tận cùng hơn. Mái tóc ông đổi màu. Mấy chiếc răng cửa bị gãy, nụ cười trẻ thơ vừa móm mém. Cặp ma-sát sâu hóm xa khuất dần với mọi hình hài thực tế. Những con đường trên đó ông đi, cái túi vải thơ nào, những ngã tư ông ngừng lại, tách thoát với nhân thế, tất cả ở Bùi Giáng phơi hiện dần dần một hủy hoại khô khốc, ấy là tôi chỉ biết nhìn thấy ông một cách “hình hài” như vậy, nhưng “vui thôi mà” thì vẫn là rất vui. Ông vào tòa soạn, ngồi xuống ghế, nhìn mọi người, cười trẻ thơ, thường nói khát quá và xin một chai bia uống. Ông uống từng ngụm nhỏ, nói thích chai bia lớn vì uống được nhiều hơn, châm thuốc hút, những ngón tay vụng về lóng ngóng. Uống cạn chai bia, cái túi vải đeo lên và bỏ đi. Đó là cái đến cái đi êm ả của Bùi Giáng. Nhiều lần không thể. Ông ra tắm ở cái máy nước trước tòa soạn, thần nhiên trước người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Một lần khác, chúng tôi đi ra ngoài một lát trở về, thấy ông nằm ngủ ngon lành trên hai cái bàn viết kê liền lại. Giấc ngủ dài, quên đời, quên hết, mặc hết, phải đánh thức dậy. Những lần đó, ông ngồi bất động, thăm thì “vui thôi mà” rồi lạng lẽ bỏ đi, cái bóng dáng gãy đổ, gãy guộc trong chiều xuống.

Chính là trong cái tình trạng suy nhược đã trầm trọng quá chừng và tiêu tụy què thể này của Bùi Giáng mà chúng tôi bắt đầu cảm thấy quan tâm thực sự đến thi sĩ. Đến sức khỏe ông, ngày mỗi cạn kiệt. Đến cách sống ông ngày mỗi tiêu tụy. Đến tâm thức ông, ngày càng bất định. Cuộc vui của ông Bùi Giáng tuyệt vời nhưng chẳng thể phiêu bồng mãi mãi. Phải làm một cái gì về ông. Để ghi nhận lại. Về thế nào là cái tiếng thơ trác tuyệt của Bùi Giáng, cõi ngôn ngữ đạt

tới hoang đường kỳ ảo của Bùi Giáng. Trong khi còn gần ông. Trước khi ông chẳng gần, chẳng chịu sống cùng ai nữa.

Số biệt về thiên tài thi ca Bùi Giáng phải chờ đến hơn một năm sau, tờ Nghệ Thuật đình bản, tôi sang trông coi tờ Văn chung với Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện được. Cũng nhờ số Văn này mà tôi mới nhìn thấy và hiểu được sự không hiểu của tôi nói ở trên là sự ngược nghịch giữa Bùi Giáng tháng ngày rong chơi với Bùi Giáng một tuần lễ cả ngàn câu thơ, cả ngàn trang sách. Số Văn ấy, phần nhận định nhờ Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt... viết. Bài phỏng vấn Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện. Phần giới thiệu những bài thơ mới nhất là tôi. Chưa biết kiếm tìm Bùi Giáng ở đâu, thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông ấy chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy. Kéo ông ra trước báo quán chụp chung tấm hình làm kỷ niệm rồi tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất.

Ông gật. Tường lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống, và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ. Ông không chép lại thơ đã làm. Ông làm thơ tại chỗ. Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón thoi. Làm thơ ứng khẩu, làm thơ tại chỗ, nhiều người cũng làm được. Nhưng là thơ thù tạc, và chỉ năm bảy câu một bài thôi. Bùi Giáng khác. Chai bia còn sủi bọt, ông ngồi viết không ngừng, tự dạng nắm nét chĩnh đốn, chỉ một thôi đã xong hơn hai mươi bài thơ, chúng tôi cầm lên coi, thấy bài thơ nào cũng khác lạ, cũng thật hay, cũng đích thực là từng hạt ngọc của cái thơ thượng thừa Bùi Giáng. Lần đó, tôi đã hiểu tại sao Bùi Giáng cừ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi. Đúng là ngủ ra thơ, thờ ra thơ, uống la-de, hút thuốc lá ra thơ. Mà thơ không ai sánh bằng, thơ không ai đuổi kịp. Ông uống cạn chai la-de, lập lại ba tiếng bất hủ "vui thôi mà" rồi đứng lên từ biệt. Mấy tháng cuối cùng trước biến cố 1975, tôi không thấy Bùi Giáng trong đời sống tôi nữa. Chỉ tình thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, ở một gầm cầu, dưới một mái hiên. Có lúc thấy nói ông đeo một râu chuỗi toàn dây dếp và quần áo phụ nữ quanh cổ như một vòng gai quai dị, đám con nít reo hò chỉ trỏ người điên, người điên. Có khi nghe thấy, ông ẩn lánh ở ngôi chùa vùng ngoại vi thành phố, ăn chay niệm Phật cả ngày không nói.

Ở trình trạng này, anh em chúng tôi, những bạn bè một thời thân thiết với Bùi Giáng, từng đã chén thù chén tạc với Bùi Giáng bao lần trên căn gác đường Lý Thái Tổ của nhà xuất bản An Tiêm, nhận sách tặng của Bùi Giáng, ở với ông và trời thơ trác tuyệt của ông, chúng tôi biết chúng tôi chẳng làm gì cho Bùi Giáng được nữa. Chẳng phải bỏ ông. Ông cũng không bỏ. Chỉ là ông đã đi khỏi, đi xa, vào một trời đất khác.

Hai câu thơ hay tuyệt hay vào tập cho tập Mưa Nguồn:

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau*

Đã mang một ý nghĩa khác. Lời chào như một xa cách vĩnh viễn. Một bỏ đi. Một vĩnh viễn. Cái kho tàng chữ nghĩa phong phú vô tận ở đó Bùi Giáng vừa tạo dựng nên cái thế giới ảo huyền của mình vừa phá hủy tan tành cái thế giới ấy, kho tàng ấy thi sĩ không thêm sử dụng nữa, và chúng tôi chẳng còn con đường nào tới được với ông.

Bùi Giáng đã đem lại cho cuộc đời biết bao nhiêu châu ngọc. Bằng tài thơ trác tuyệt. Bằng cõi ngôn ngữ ảo diệu, không tiền khoáng hậu. Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời. Từ ấy, thi ca mới không cùng không tận. Đọc lại Mưa Nguồn, đọc lại Ngàn Thu Rớt Hột, Bài Ca Quần

Đào, tôi còn muốn bật cười với thơ Bùi Giáng. Vui thôi mà. Đúng vậy, vui thôi, có khác gì đâu. Mất Bùi Giáng, thơ ta lại trở về với cái hữu hạn đời đời của thơ. Nhiều người bảo ông chỉ là một thằng điên. Tôi chỉ muốn nghĩ thầm cho tôi là nếu có thêm được ít người điên như Bùi Giáng, thơ ca ta văn học ta còn được lạ lùng được kỳ ảo biết bao nhiêu.

Bùi Giáng: Nhà thơ của ngày tháng ngao du Cung Tích Biền

Thi sĩ Bùi Giáng đã ra đi. Cuộc rong chơi rất đổi tài tình của ông rồi cũng tạm ngưng. Ngưng phần hình. Phần hồn hãy tiếp tục tồn sinh cùng sử lịch qua tác phẩm của ông và chính cái sống rất mực Bùi Giáng nơi ông. Bùi Giáng giờ đây đã thông dong bỏ chân xuống tháng ngày một cuộc lữ tao nhã khác, cho riêng một đời thiêng Hoàng hạc.

Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mệnh mông chiếu bóng trong bầu trời Thi ca Việt Nam nửa thế kỷ qua. Có thể mai kia, khi thần thái xã hội bình an hơn, việc thẩm định những giá trị được công bằng, trường hợp Bùi Giáng sẽ lại được lật qua lộn về tự do, nghiêm túc hơn.

Tôi viết bài này như một tri ân đối với những gì Bùi Giáng lưu dấu nơi tôi.



* ĐÔI LỜI PHÂN VÂN THƯA TRƯỚC

Hiểu về Bùi Giáng là khó; viết về ông thật vô cùng khó; nhất là Cõi Thơ riêng ông. “Làm thơ chỉ là một cách đi ba đào về chân trời khác”. Bùi Giáng từng nói như thế. Nhưng tùy nghi vào thể điệu rong chơi ngôn ngữ của Bùi Giáng thì nó không hẳn thế. *Ba đào, chân trời? Hay Ba chân trào đời? Ba đời trào chân? Hay chân, trời, ba, đào? Hay chân-trời-ba-đào?* Đi ba đào về chân trời? Hay làm thơ là đi chân trời về ba đào? Một trôi giạt đến mệnh mông, ngay từ thế sự ngữ ngôn. Thật khó cho cách thờ và cách nghĩ của người viết về ông - dù thờ đủ kiểu và nghĩ ngợi ngay trong lúc chiêm bao.

Em về giữ áo mù sa
Trút quần phong nhụy cho tà huy bay(1)

Đây là câu thơ đẹp ở nhiều góc độ, nhưng nó rất có... vấn đề. Với một số não trạng thì nó rất mông lung, người đọc sẽ không nắm rõ chủ đích của tác giả như khi đọc câu: “Nếu anh sản xuất tăng gia, là em thu hoạch bò gà sắn khoai”. Cái gì là áo mù sa? Và ta vào supermarket nào để tìm cho ra cái phong nhụy quần? Do vậy, viết về Bùi Giáng không phải cho quan nào cũng đọc.

Trong Lễ Hội Tháng Ba Bùi Giáng chỉ ra một con đường không có bốn bên mép rìa: “Đó là tiếng nói Tinh Thể Uyên Nguyên của thơ. Thy Sĩ đã bước vào Vòng Tay Rộng Rãi của Thiên Nhiên, và cuộc tiến nhập đó đã đặt người Thy Sĩ trong Cõi Nguồn Tinh Thể của mình”. Đây là một đoạn viết hoa gấm nhưng dễ hiểu về mặt trực nhận. Nó hãy còn xôn xao dưới lớp từ ngữ kia những ẩn nghĩa rất cần thiết tìm ra để lý giải cho tận ngọn nguồn. Nó lại đòi hỏi một song trùng tính luận về Thiên Nhiên - Nhà Thơ, Tinh Thể - Tạp Ngoại Thực Tại, Biến, Dịch... sau cùng là mối “liên hệ, phân hủy, lập dựng”, giữa Những-Cái-Tôi trong một Vũ Trụ Riêng Tôi.

Quả thật, viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo rằng đây là Như Lai phu nhân

1. BUI GIANG- VÀI NÉT CHÂN DUNG

Bùi Giáng sinh thời có một khuôn mặt kỳ dị với một cặp mắt của rắn. Nó tròn vành vạnh, sắc sảo; khi Bùi Giáng nhìn tự nhiên là rất thông minh hiền từ; khi trừng trừng chú mục nó biểu lộ một tinh lực rực lửa, kỳ bí; nó có hai màu đen trắng quấn nhau, như cái hình vẽ biểu tượng cho thái cực; đôi mắt ấy luôn rực sáng, như hai vì sao; nó là cái lò luyện đan để tất cả lời thơ phi phàm bốc khói mây.

Ông có nụ cười khá bằng phẳng, tha thứ; một giọng nói hiền hòa, không phân tranh. Hai đặc trưng này họa ra một Bùi Giáng trọn một đời phiêu bồng, ngoài Cõi, không tư hào đến may mắn danh vọng quyền lực, không vợ con, không mái nhà; ông sống tha thiết với cuộc đời nhưng thường trực ngay ngã ba ngã tư những con đường lem luốc bụi giang hồ; dù thơ ông rất trang trọng, trí tuệ.

Lý Bạch xưa đã từng uống rượu của triều đình, Đào Tiềm đã lỡ ra làm quan sau mới Qui khứ lai từ. Bùi Giáng không hẳn đã hơn Đào Tiềm, Lý Bạch nhưng ông không giải quyết bế tắc như Khuất Nguyên mà ông thanh thản rong chơi, kịch liệt đùa rỡn; luôn thông thái đổi mới cách chơi ngày ngày; nguy nga tạo dựng một nhân sinh quan rộng tỏa trên mọi nẻo đường tư tưởng; mãi tràn lan cuộc vui cùng nhân gian tháng rộng năm dài.

Như chúng ta, ông vẫn có nỗi buồn, vẫn nghe trong hương thời gian hát hiu nổi đau, vẫn sống vào một thời đạn bom [đạn bom tiếng nổ và đạn bom của Lời; đạn bom thảm họa hiểm nghèo và đạn-bom-thương-nhớ] nhưng ông đã gởi cuộc đời mình vào cái thế giới huyền nhiệm của Thi ca, đã “tàn dưới nguyệt” cho trò chơi riêng của mình.

Ông cũng đã, như chúng ta, được ân sủng và cùng lúc chịu tác hại từ thánh nhân, sách vở, tư tưởng, đạo lý, nhưng ông đã minh triết hóa giải nó vào một cuộc Điên. Một thế giới điên của nung nấu lửa tam muội, của bên kia bể ngạn. Một lễ Trung Dung trác tuyệt, trong cái Điên. Bỏ nhằm cuộc đời xuống nhân loại buổi ấy chỉ có tả và hữu, ta và thù, chiến tranh là thường trực, hòa bình chỉ là một nhịp thở ngắn ngủi, Bùi Giáng đã có một thần thái đỉnh đạc để ngắm về nó, xem như bóng mây.

Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ớt cay làm ngọt. Ăn cơm để thiêu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, nêm vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đắc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hươu nai: Buồn phố thị cũng xa bay như gió/ Cộ xe nhiều cũng nhảy bồng như hươu/ Bờ cõi dựng em xuân xanh còn đó/ Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừu. Ông lạ sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đổi cô đơn tự đọa đày; vậy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa giỡn quỷ thần, tương đắc với kẻ trong mộ, nhớ nhưng người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị.

2. BÙI GIÁNG –NHỮNG GIAI THOẠI TIÊU BIỂU

Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thế gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư. Xin lai rai vài chuyện tiêu biểu.

Chuyện thứ nhất. Xưa kia ở Quảng Nam, quê chúng tôi, người ta kể rằng khi còn trẻ Bùi Giáng đã có vợ. Vợ sớm qua đời. Hôm tắm liệm, ông nhờ người hàng xóm làm thịt 21 con gà. Ông thành tâm bỏ thịt con gà còn sống vào quan tài tắm liệm người vợ thân yêu. Họ hàng thấy quái. Bèn can ngăn. Ông bảo: “Vợ tôi ưa ăn thịt gà, nay có thể lên thiên đường hoặc xuống địa phủ chi đó, thịt gà đâu ăn”.

Câu chuyện trên là hoàn toàn khó tin. Bịa đặt, phao tin đồn nhảm, gia đình người ta kiện cho. Nhưng cái tuyệt hảo ở đây là người đời đã rất đổi yêu ông, giai thoại trên như một phóng họa phần nào những quái ảnh kỳ tâm nơi một Bùi Giáng lắm điều xem ra bất khả tư nghị. Bà đi thể điệu bước ra/ Tay khăn tay áo là hoa thêu thùa/ Bà về cỏ rậm đậu thưa/ Đêm tàn cấm nguyệt chiều trưa lâm tuyền.

Chuyện thứ hai. Vào đầu thập niên sáu mươi có lúc ông đi dạy Việt văn ở trường trung học tỉnh lỵ. Một hôm giảng Truyện Kiều, đến chỗ nàng Kiều phải hồng trần lưu lạc, thầy Giáng khóc òa. Khóc vỡ tan. Nhảy phóc qua cửa sổ lớp học, băng bộ ra bến xe, về Sài Gòn. Học trò nam nữ ngồi chờ mãi, tưởng thầy đi đâu đó sẽ trở lại. Trên bàn sách vở, bao thuốc lá hũy còn. Hóa ra thầy “bay” luôn, bỏ lớp bỏ trường, bỏ cả tỉnh lỵ nhiều năm sau. Hỏi hà có. Thầy ngậm ngùi nói mằn rẵng trở lại nơi Em Kiều đã một lần hy sinh cho cái trò chơi nhân gian kỳ ảo chốn liên tồn. Nguyễn Du xưa kia đã một lần than thở “Địa địa xứ xứ giai Mịch La” (2). Bùi Giáng hôm nay cũng có thể.

Sau này, đọc Mùa Thu Thi Ca, đoạn nói về Đoạn trường tân thanh, ta thấy ông viết:

“Nguyễn Du không kinh hoàng nhảy lui. Cũng không bị tẩu hỏa nhập ma rú lên một tiếng như Zarathustra also sprach. Ông đăm nhiên làm Nam Hải Điếu Đồ. Kể câu cái gì tại Nam Hải? Đáp cho câu hỏi ấy, ta mượn một câu thơ Phùng Khánh:

Con làm Nam Hải Điếu Đồ

Ngồi câu con Cá Hư Vô Tâm Hồn.

Tự trung mỗi phen sờ mó vào Kiều nhi, vừa chạm tới những tuyệt diệu từ lãng đăng phù động kia, chớm gặp Xuân đã ngộ phải Thu, vừa ướm hỏi ra Thu đã vấp phải Đông Phong Thanh Hạ, vừa tân thanh ngâm bãi đã trường đoạn thể nhiên, chợt mới hội thương tình đã hốt bách cảm sinh, mới vừa mơ màng nhìn Hồng Lĩnh vân phong đã giật mình nghe ra Tiền Đường triều tiêu, chưa kịp qui ẩn kinh, đã bàng hoàng với phiến oan thanh. Bỏ ra Nam Hải buông câu chỉ bắt được Hư Vô Con Cá...”

Chuyện thứ ba. 1975. Thời của thu vàng một loáng hóa rùng phong hoang hồng, xao xác đến muôn trùng số mệnh con người hoa cỏ. Tôi có dịp lai rai sống với Bùi Trung Niên Thi Sĩ. Thờ ầy đối kính. Người người tăng gia, nhà nhà sản xuất. Cuộc đào cả lè đường hè phố, vườn biệt thự, trồng luống khoai hàng sắn. Cày xới nát bộ não vì cái ăn, cái Đi - Ở. Tâm linh màu chì. Một hôm chúng tôi đang đi long nhong gần nhà thờ Ba Chuông kiếm vài chung quốc lủi, Bùi Giáng bỗng nói: nè cha, ta về nhà chút đã. Tôi hỏi về mần chi. Ông bảo cho heo gà ăn chớ không tụi nó chết. Hóa ra thi sĩ cũng tăng gia sản xuất. Về nhà - trong hẻm, gần cổng xe lửa số 6 - đã thấy ngay trước hàng hiên có mấy con... heo đất, mấy con vịt nhựa - loại được khoét một đường rãnh trên lưng, để bỏ tiền tiết kiệm. Chúng được đặt trong rọ, hoặc úp bằng những cái rổ đàng hoàng, như heo gà thật. Bên con heo đất hãy còn mấy cọng rau tươi, nơi gà vịt nhựa có dăm hạt gạo vung vãi. Hỏi. Một người bà con nói nhỏ với tôi: “Phải chăm sóc cẩn thận, ảnh về thấy heo gà không có thức ăn ảnh khóc”.

Trên đây, ba giai thoại tiêu biểu về mỗi thời kỳ Bùi Giáng.

Giai đoạn đầu, thờ liệm vợ bằng thịt gà sống đã phôi pha hoang đường, định mệnh chỉ ra ông sẽ là một hiện tượng kỳ vĩ, khác người. Một cái Diên đang hăm he cái Tĩnh sẽ vui chôn người Bùi Giáng thường tình. Cuộc điều linh sẽ gạn lọc, phiên dịch, phơi bày ông ra giữa trận đồ hoang vu nồng cháy của Phố Thị Điu Hiu, của Mù Sa Cổ Quận. Sông ơi em bỏ sa mù/ Đi thêm thiếp cõi quân thù gọi nhau/... Một đời lặn đạn đo rồi đếm/ Mỗi gổ người đi đứng lại ngồi.

Giai thoại thứ hai nhằm vào thời ông rời quê nhà - xứ Trung Việt nơi ông đã từng chăn dê; đã lùa bò vào đồi sim trái chín - để vào Sài Gòn; là khởi nguyên nơi ông mùa tinh hoa tụ hội: Thi tập Mưa Nguồn chào đời. Xin chào nhau giữa con đường/ Mùa xuân phía trước miền trường phía sau.

Sau đó là những tuyệt phẩm: Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mùa Thu Thi Ca, Đường Đi Trong Rừng, Sương Tỳ Hải, Sa Mạc Phát Tiết, Sa Mạc Trường Ca, Trăng Châu Thổ, Lễ Hội Tháng Ba, Sương Bình Nguyên, Biển Đông Xe Cát, Lờ Cổ Quận, Ngày Tháng Ngao Du v.v... Ông dịch vô số tác giả từ Đông chí Tây, cổ kim; dịch rất tài hoa thông suốt, như Hoàng Tử Bé, Ngộ Nhận, Khung Cửa Hẹp, Kim Kiếm Điêu Linh, Hòa Âm Điền Dã v.v...

Sức điên, sức rong chơi, sức đọc, sức làm việc của Bùi Giáng là vô cùng tận. Ông là tượng trưng cho sự nhạy cảm, sự thông minh thoáng đạt, và sự bất định, bay bổng. Đây là tai họa tự chính ông - tự đọa đày trực diện. Lúc này ông đã là một hấp lực kỳ vĩ với người đọc. Đọc ông là si mê mơ màng, là lơ đãng tìm ra thuốc chữa cho một căn thiết thoát ly, đối kháng, chối từ, tái thẩm định. Là diu dặt vào hương vị đắng cay mật ngọt thời hoang hóa hòn đạn làm nổ trái bom, điều linh giữa tồn sinh phân hủy, giữa gươm đao đang thừa mà hụt hao nhân ái. Là chiến đấu thoát vượt cuộc khổn vây công bằng tự do; một xô bồ rùng rú tư tưởng; một trần gian xanh đen đến tiêu hao, phân ly chính mình. Bờ Lúa của Bùi Giáng:

Em chết bên bờ lúa
Để lại trên đường mòn
Một dấu chân bước của
Một bàn chân bé con
Anh qua miền cao nguyên
Nhìn mây trời bữa nọ
Đêm cuồng mưa khóc điên
Trăng cuồng khuya cuốn gió
Mười năm sau xuống ruộng
Đếm lại lúa bờ liền
Máu trong mình mòn rỗng
Xương trong mình rã riêng
Anh đi về đô hội
Ngó phố thị mơ màng
Anh vùi thân trong tội lỗi
Chợt đêm nào gió bờ nọ bay sang.

Giai thoại thứ ba là hiển thị cuộc hí lộng đã dất dứu thi sĩ chơi với đồ nhựa vô tri. Ký gờ sự sống trên những "con-vật-không-có-sống-không-có-chết", là lúc ông xấn tới tột đỉnh đất trời đồ lộn nguyên khê. Ông tỉnh táo trong một trạng thái đặc biệt của người điên. Ông sắp xếp cái Điên theo cách người tỉnh. Cái điên phần nào giúp ông siêu thoát. Nhưng cũng đặc biệt đọa đày cho ông là chính ông ý thức về cái điên của mình: Xuống sông xuống biển hải hùng/ Mà không thể giết được linh hồn mình/ Trải bao nhiêu trận bất bình/ Cuồng điên tôi tự giết mình tôi chơi. Là tự hiểu: Tôi từ khởi sự cuồng điên/ Tôi từ uống rượu triền miên tháng ngày/ Hét la tháng rộng năm dài/ Tình yêu tiêu diệt từ ngoài tử sinh.

Khoảng đầu thập niên 70 có lần người ta đưa ông vào nhà thương Biên Hòa chữa cái bệnh *đúng ngã ba nhìn ra ngã bảy*. Từ nhà thương điên trở ra, bữa gặp nhau thấy ông rất tỉnh, tôi bèn hỏi một câu thường tình: "Nhà thương điên Biên Hòa trị cái tẩu hỏa hay hì!". Ông trả lời tỉnh queo: "Chữa trị quái gì đâu. Chẳng là ở ngoài mình thấy mình điên số một, khi vô nhà thương điên mới hiểu ra mình là đồ bỏ, điên nhí, điên tiểu thủ công nghiệp; trong nhà thương điên nhiều cha điên thượng thừa, điên vĩ đại hơn mình nhiều. Do vậy mà mình tự động thôi điên". Có thể Bùi Giáng chẳng điên. Thiên địa nó tẩu hỏa nhập ma; chính thái cực lưỡng nghi nó lói ông vào trận địa gây cần tà huy. Hãy đọc một đoạn nhỏ trong Mùa Thu Thi Ca, sau khi đứt phèo phổi được tin Marilyn Monroe đang lộng-lẫy-một-tòa lại tự động chuyển-sang-từ-trần bên trời Tây:

"Mọi Nhỏ - Tại sao chị tự tử

Monroe - Tại vì chị là người da trắng. Huống hồ nữa là...

Mọi Nhỏ - Là sao huống nữa?

Monroe - Huống nữa là màu da trắng của chị còn trắng hơn tất cả màu da của mọi người da trắng khác.

Mọi Nhỏ - Thế nghĩa là màu da trắng của chị đã đạt quai nhai cảnh giới của lô hỏa thuần thanh thánh thần thiên tiên liên tồn tổ bạch?

Monroe – Nhiên

Mọi Nhỏ - Sao gọi là liên tồn tổ bạch?

Monroe - Tổ bạch là tách bộ.

Mọi Nhỏ - Còn liên tồn? Cũng đồng nghĩa với tồn liên chăng?

Monroe - Nhiên”.

Sau, chết rồi mà em Monroe lại gặp tình cờ em Mọi Nhỏ. Mọi Nhỏ lúc này đã dẫn mình một cách nhiệt huyết vào trung tâm điểm lửa đạn chiến tranh Việt Nam. Monroe ngậm ngùi hỏi:

"Monroe - Chị tự tử đã đành. Sao em cũng tự tử? Em ở trong rừng mát mẻ, em tự tử làm gì cho phí mất màu da bõ quân bánh mật của em như thế?

Mọi Nhỏ - Em đâu có tự tử. Chính là thật ra cái hòn đạn nó tự tử em.

Monroe - Hòn đạn nào như thế?

Mọi Nhỏ - Hòn đạn hoặc trái bom gì đấy. Nó nổ một trận tam bành. Nó tự tử mất em, đồng thời với cái trướng đèo thơ mộng chiều hôm qua.

Monroe - Sao em không dời đi nơi nào ẩn trú, lại ở yên một chỗ mà chờ đợi đạn bom mà làm gì như thế?

Mọi Nhỏ - Dời đi nơi khác thì đồng thời phải dời cái trướng đèo đi nơi khác. Em sức mấy mà làm cho xuê sự đó. Kể ra lúc bấy giờ em cũng định lặn xuống ở dưới đáy nước cái khe kia thì thật là bảo đảm nhưng không kịp. Cái bom nổ còn chớp nhoáng hơn cái ý định nảy ra trong đầu óc em.”

Đâu phải con người không chuẩn bị kịp cho một trái bom nổ chớp nhoáng. Trong kiếp người chúng ta có những cái vô-cùng-không-kịp. Đã vô cùng từ bỏ vườn cũ trướng đèo không mang theo, trong hun hút máu xương. Đã một phương trời gom nhặt từng phút sống, mà vắng mất nắm đất bên đàng chỗ cổng làng khe nước rẫy nương. Bây giờ ta hỏi lại thu/ Khu vườn lá ngọc sao thu phiêu bồng. Nơi hải giác thiên nhai, anh hay tôi, Em Mọi hay Đêm Nguyệt Cầm Ca - Li, đã thức giấc nổi lòng Nhật mộ hương quan hà xứ thị(3). Và đâu phải anh tự do hân hạnh được quyền có hay không cái tẩu hỏa nhập ma. Trái bom nó - tự - tử - em kia mà.

3. BÙI GIÁNG- TÈ THIÊN NGÔN NGỮ.

Thơ Bùi Giáng còn với người đọc bây giờ hay không? Với thời gian, hiện thực luôn bị xé rách, cày xới, đào thải. Lỗi thời ngay khi còn là bây - giờ. Mỗi sát na, nghệ thuật mỗi chuyển dịch, thay áo, vì cái kỳ cùng tốc độ thế kỷ. Nhưng ngay hôm nay vẫn có một số đông người thường ngoạn say mê Bùi Giáng. Vẫn thấy lạ ý tưởng. Vẫn thấy mới ngôn ngữ. Vẫn nhận ra ở đó một thể giới giàu mộng tưởng, đôi khi sấm uất những linh cảm xuất thần. Người đọc rất dễ hoang mang bay bổng, kỳ thú, dù có chỗ khó thể hiểu thấu đạt thơ Bùi Giáng, nhưng cảm được. Đọc qua mắt, bằng đầu, với trái tim, từ hồn. Một hồn rất nhẹ, rất bơ vơ, rất rộng xanh của biển trời, và rất khắc nghiệt trí tuệ của thời đại. Từ đó, tiếp cận thơ Bùi Giáng người ta nghiêm chỉnh băng khuâng, và được dịp rong chơi trong một não trạng bấy lâu khô hơn nhựa, cần thiết phải thích ứng bon chen.

Bùi Giáng không hề cực nhọc hồ hào nhiệm vụ giáo dục quần chúng, văn dĩ tải đạo mà là những phóng mình đỉnh điểm tự do cho riêng người thường ngoạn. Nhưng rõ ràng Cái Đẹp cần nó, và Đạo không thể thiếu nó: tự do viết, tự do đọc, tự do tư tưởng.

Với Bùi Giáng, tuy Đau, nhưng tất cả là Rõn là Rong Chơi, trò chơi, cuộc chơi. Hí trường này bằng lảng mà không thiếu xót đau một quá trình khổ bách kiếp người. Nếu Ông Trời Xanh và Bà Trời Trắng nói được, nếu Như Lai và Như Lai Phu Nhân hạ cố, nếu Phó Như Lai và Phó Như Lai Ái Nữ mà trả lời được, sẽ trả lời mệt nghỉ, với những Điều Rõn mà Bùi Giáng lót đường huyền ẩn như kinh. Khi còn nói Xử thế nhược đại mộng/ Hồ vi lao kỳ sinh(4) là còn so bì, chẳng là chơi. Điên chơi cho bớt điên đầu/ Điên đầu cho bớt điên rầu rĩ chơi/... Buồn vui ai biết đâu ngờ/ Nằm trong tử diệt nhớ giờ tái sinh... Rõn, Chơi, có thể là hình thái sinh động nhất, rất mực nghiêm chỉnh cho một sản duỗi thực tế, làm chủ những trò ảo hóa mà tự nhiên xã hội cùng thiên nhiên kim cổ hãy còn tàn nhẫn giấu mặt.

Đầu tiên là Bùi Giáng chơi ngôn ngữ thiên tài. Ông xài chữ một cách hào phóng, phóng phí. Ông tự thân thoát khỏi ý nghĩa ngôn tự, ngữ cảnh nào lộn, đu bay, không gốc rễ, như cánh rập nói người giữa không trung cuộc nhảy dù biểu diễn. Như cái pháo hoa xòe cánh trong đêm Hội, thể hiện cái rực rỡ rất đối đánh thức, lại rất đối phù du. Do bản thân sự ngao du rong ruổi trong sa mạc chữ nghĩa, trong thế giới ảo hóa này, thơ Bùi Giáng tạo cho người đọc một giá trị cảm thức sâu sắc, bàng hoàng, đẩy tới những hoài cảm, tưởng vọng mênh mông hơn chính ý lực của bài thơ, mà từ đầu tác giả muốn hàm gợi.

Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển. Mỗi chữ lại ẩn tàng nhiều mặt biểu hiện, đa dung mạo, đa nội lực. Nó có khả năng biểu thị rộng lớn cái Tận Cùng Ý Nghĩa, không phải Đã - Nói, mà là Sẽ - Nói. Đầu khe lá cỏ phai rồi/ Đã vang tiếng ngựa bên lời ước mong/... Em nhìn nhè giờ đây ta trở lại/ Nghe giầy hồng một mùa cũ tái sinh.

Ông dùng từ Hán Nôm đến mức tuyệt hảo, và đảo lộn, nói lái, trá hình, ngẫu hứng, ẩn dụ lại rất mực tài tình. Đôi khi chữ dùng của ông tuồng vô nghĩa nhưng là một mật ngữ, mật mã. Ông phóng khoáng, rất coi thường hạng người mà ông cho rằng bọn hươu Nho, Nho nguyện, một sách, bỏ câu chữ lên bàn cân xem bao lượng rồi mới dùng; ông khinh bỉ bọn viết lách cứ tả núi phải có đỉnh, tả con bò phải có hai lỗ tai. Vì chỗ tế nhị này mà rất nhiều người - hàm cả người làm thơ viết văn - đã dị ứng, đổ kỵ, không hiểu, rồi không chịu được Bùi Giáng. Họ không muốn đọc, hoặc có đọc mà thiếu khả năng thẩm thấu thứ chữ nghĩa nhảy múa, bay lượn như gió, biến hóa của mây. Họ từ khước ông khi ông còn đi trên mặt đất. Họ cư xử với ông bằng thái độ trong “nội ô của nhà thương Biên Hòa”.

Chỉ hôm ông qua đời, đột nhiên - nhưng không đáng ngạc nhiên - tất cả môn phái “ngũ nhạc”, không kể chính tà, hữu chiêu vô chiêu, nhà văn thượng thư cùng nhà văn vỉa hè, đều tề tựu trước quan tài Bùi Giáng đầy đủ. Phạm nhân của hai chân lý đối nghịch bên này và bên kia Pyrénées đã may mắn có một dịp nhíp nhàng, thắm lặng nghiêng mình dưới chân Núi.

Toàn bộ thơ Bùi Giáng không có cái cách làm dáng trí thức, gây nhiều khê đến rắc rối hoặc làm loãng cuộc chữ nghĩa đẹp đẽ trong tiếng Việt nghìn xưa vốn có. Ông là một nhà thơ triết nhân nhưng không hàm nghĩa thơ phải nêu chí cao trí cả như quan niệm cổ điển hằng mong đợi ở thi nhân. Trừ những thơ văn xuôi triết luận - và những bài thơ ông dịch tam bảnh qua một trận thấu triệt đến ngọn nguồn, mà khó nói ra cận kề khi đương đầu cùng Heidegger, Rilke, Hoelderlin, Shakespeare, Neitzche... thơ Bùi Giáng hầu hết hình thành qua ngôn ngữ thông thường, xã hội càng ngày càng dùng nhiều hơn, rất nôm, lại lắm khi những ngữ từ rất lem luốc bụi giang hồ. Nó đã nhẹ tênh, gần gũi, tự nhiên như nói chuyện, giản dị đậm ấm như ca dao. Nó rất kỳ cục, thường hằng, nhưng tinh tế. Nó rất đơn sơ chứng minh cho kĩ thuật thượng thừa của Bùi Giáng.

Trong lịch sử văn học nước nhà ít thấy thi nhân nào - kể cả thi nhân ta rất mực mến yêu thờ phụng như Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà - bày cuộc vui chơi chữ nghĩa đó đây một cách đơn giản nhưng thâm thúy, trù phú và thiết tha ngộ nghĩnh như Bùi Giáng. Ghì môi cơn mộng la đà/ Tiêu dao suốt cõi mù sa bên rừng/ Nửa vời trắng rộng mông lung/ Đường xa nghi hoặc tháp tùng ni cô/... Tôi chấp nhận trăm lần trong thôn thức/ Tôi bàng hoàng hốt hoảng những đêm đêm/ Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt/ Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em.

Bùi Giáng có một não trạng khá đặc biệt; giạt mình mơ hoang có thể mỗi cánh chuồn chuồn bay chiều; mỗi dặm hải hôm nay không còn động vang của Thúy Kiều; bắt gập màu xanh trong sắc tím; nghe ra hơi thở của Lão Trang từ nghìn dặm phả về. Con nai vàng ngơ ngác đạp lên lá vàng khô? đã là một sự quá ư nặng nề, giày xéo đối với ông. Phải nhẹ hơn nữa kia. Nhẹ hơn cả hư không rỗng trống.

Vì cái não trạng vọng viễn phi biên giới kia mà khi tiếp cận với những Khổng Tử, Hoelderlin, Heidegger, Homère, Empédocle, Nerval, Whitman, Lão Tử, Nguyễn Du, Khuất Nguyên, Vương Bột... là cùng lúc Bùi Giáng phải chịu đựng một sự công phá chính tâm hồn mình. Ông băng băng dong ruổi trong mông lung tri tuệ rất mực uyên bác, sầm uất tưởng tượng, chói lọi cái bãi hoang vô thức từ im lìm bấy lâu giấc ngủ. Ông bắt trắc dẫm lên một mặt đất rạn vỡ, bắt nhẩn và vô tình trùng phùng một định mệnh tùy ngẫu, trói buộc. Lại bắt trắc bị trùng vây bởi một trận đồ

ngôn ngữ của thơ, của hồn thơ. Của Đilen. Và của Ý Thức Về Cái Đilen. Sự thể ấy làm ông rất đổi sáng suốt trong đilen đảo, chưa nói một đã lộ lồ mười, đi trên đường độc đã thấy muôn nghìn ngã ba ngã bảy, chưa kịp nhớ Mẫu Thân Phùng Khánh đã hoài Nam Phương Hoàng Hậu, vừa sớm mai tươi sáng bình sinh đã chợt tòn vọng cơn thắm đậm đêm Hy Lạp; thế rồi ông viết tràn giang, bằng cả vô thức, ông cuồng ngây tẩu hỏa dịch bừa sang thơ Việt cả những đoạn triết luận chẳng chịt; ông khai triển Nguyễn Du bằng cách hợp lực làm thơ ký chung Nguyễn Du - Bùi-Trung-Niên-Thi-Sĩ.

Ông củng cố, ông dịch, ông chuyển tải tư tưởng bằng cách bá láp [chữ của Bùi Giáng] triệt hạ nguyên bản; khuyh đảo chữ nghĩa bằng cách lạ thường; biến những chữ cụ thể, những nghĩa đã chết trong sự củng cố để trở thành một hiện trình khác hơn, lại rất thơ, tinh diệu, biến hóa hơn. Ông làm giàu nghìn lần tiếng Việt. Một số nhà thơ, nhà sáng tác ở miền Nam trong nhiều năm, không chối bỏ rằng mình đã xài, đã từ lâu tự nhiên sâu thắm bị ảnh hưởng cách dùng chữ nghĩa từ thiên tài Bùi Giáng.

Những địa danh quê hương – Trung Việt, Vĩnh Trinh, Quế Sơn, Bình Thạnh, Gò Vấp, Cừu Long, Cà Mau, Huế, Hà Tĩnh, Sài Gòn, Bạc Liêu, v.v... - đã hiện ra trong thơ Bùi Giáng rực rỡ gấm hoa, êm đềm màu núi, thồn thức như suối nguồn. Đêm thừa Vĩ Dạ về gần/ Đã từ lâu lắm thiên thần nhớ em/... Ngồi đây tưởng nhớ xa xăm/ Nhớ nhung Lục Tinh trắng trằm Long Xuyên/ Ba mươi năm trước hiện tiền/ Hình về hiện tại bóng nghiêng nghiêng đầu.

Có lúc ông tiên tri giỡn chơi một cách lạ lùng - mà sau này lúc đời sống cô đơn ngọt ngào - ta đọc lại đến ứa nước mắt:

Tôi gọi Bình Dương là Bình Dương
Dương di ơi thương nhớ cháu nhiều không
Tôi gọi Càn Thơ là Càn Thơ
Càn Thơ ơi... cần thơ đến bao giờ?

Bình? Dương? Thơ. Không hề là chơi chữ. Mà là tiếng kêu thống thiết của tâm linh trước một thế giới người đã kiệt cạn nhân tính, đánh tráo bình đẳng tự do; đã phơi phơi những lừa mị, tàn nhẫn cùng nhau; đã tinh vi biến những đòi hỏi nhân sinh cần thiết thật sự trở thành trêu tượng trên người trên khẩu hiệu giấy tờ.

Khác với tất cả thi nhân Đông Tây kim cổ, Bùi Giáng động đậy bay lượn với đủ sinh vật côn trùng. Chuồn chuồn châu châu, con nai rừng chú dê nội, bướm bướm bò gà, cả... vi trùng sâu bọ cũng trùng trùng mộng ảo yêu thương. Ấy mộng đời đi với mộng rồi/ Trời ơi trắng rớt ngó trắng rơi/ Con ruồi con kiến con châu châu/ Bướm bướm chuồn chuồn cũng thế thôi... Còn yêu mãi yêu và yêu nhau mãi/ Trần gian ôi cánh bướm với chuồn chuồn/ Con kiến bé cùng hoa hoang cỏ dại/ Con vi trùng cùng sâu bọ cũng yêu luôn.

Bùi Giáng dùng cả những loại chữ nghĩa “thép-đá-tôi” như hạ quyết tâm, chỉ tiêu, gia tăng, bổ sung, khu vực,... Hãy xem ông bừa phép vung vãi, lấm xót xa mà đậm đà hài hước: Ngày nay hạ quyết tâm rồi/ Về trần thế bốc lột người thế gian/ Tình yêu đã lổi muôn vàn/ Chỉ còn bốc lột vạn ngàn máu tim... Mỗi năm mong một ra giêng/ Con dẫn ông dạo suốt miền vực khu/ Khu này Bình Thạnh quận khu/ Khu trên Gò Vấp tuyệt trừ lưu phong/ Dưới kia Bà Chiểu Lãng Ông/ Lên xe buýt thẳng đông chơi Sài Gòn.

Chính thế giới ngôn ngữ Bùi Giáng bày cuộc lập nhiên như thế nên khi đọc thơ ông ta không nên vô ích cưỡng lại, cho đẳng cấp suy nghĩ, cho trí tuệ làm việc, mà hãy thông dong trôi theo cái bá láp, tà tà thơ thần, rất mực vô tình như nhìn con tàu chiều không có bóng hình ai trên ấy. Ta sẽ bắt gặp một thần thái thanh tao hơn, một tổng thể bát ngát hơn, bởi vì đó chính là Thơ. Nó rộng rãi và thơ thới hình thành từ một thiên tài chung qui chỉ vì thơ mà đilen, mà sống để đilen cùng thơ.

4. BUI GIANG –NGAO DU TƯ TƯỞNG.

Nói đến nhà thơ là nói tới rượu và mỹ nhân. Lý Bạch một đời sống chết cùng rượu. Ông làm thơ tặng vợ thú nhận một năm ba trăm sáu mươi ngày mình túy lúy như con nê hóa bùn: Tam bách lục thập nhật, Nhật nhật túy như nê (Tặng nội). Apollinaire một đời ngắn ngủi, nhưng đã rất nhiều nàng, cô Linda, nàng Annie Playden, Marie Laurencin, nàng Louise de Coligny Châtillon, Madeleine Pagès... Các nàng của thi nhân này duy chung một mẫu số: Tình Yêu. Nhưng ở Bùi Giáng là khác thể điệu, rất nhiều ...mẫu số.

Ông có Mẫu Thân Phùng Khánh, mẹ Trí Hải /tuy hai mà một, Mẹ về đứng ở đầu sân/ Cuối cùng Mẹ bước vô ngăn Mẹ đi/ có Kim Cương Kỳ Nữ, Nường Monroe, Gái Xiêm La, Gái Tô Châu, Hà Thanh Ca Sĩ /Đi về phố rộng mà ra/ Đi tu giản dị cô Hà Thanh ôi)/ có mấy em Da Đen Phi Châu, Em Mọi, Nàng Đạm Tiên, Thúy Vân, Thúy Kiều, Bé Con Bình Thạnh, những chị miệt quê, Thiêm Năm Sáo xã Tân Phong/ Thiêm về chín tuổi long đong thế nào... Ôi người thực nữ Long Xuyên/ Tìm đâu thấy lại thuyền quyên một lần.

Những con người hữu hình, những em vô hình, những nàng sương bóng, Bây giờ em ở nơi đâu/ Cỏ trong mình mấy em sầu ra sao/ đã mang mác thị trùng trong một Bùi Giáng tha thiết đến tê điếng, điên ngầy. Một Bùi Giáng ngoại thể bằng hồn mà lòng đau kiếp người truyền động đến nguyên sơ. Bàng hoàng đuổi bắt một bản lai diện mục ẩn huyền. Mỗi Phùng Khánh Trí Hải, mỗi Kiều Nhi, mỗi Em Mọi là mỗi trận địa cuồng mê đến đả đũa phủ chụp người thơ trong bàng hoàng nương náu. Bàng hoàng thể phách, mộng hoài đêm Da Đen tới Rú Rừng Da Trắng, Apollinaire tìm người yêu có thật, dẫn mình trong một diễm ảo nhu cầu. Bùi Giáng hư vô hóa tất cả trong miên trường vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương

Mỹ nhân? Cái Đẹp? Lý Tưởng? Một Phương? Hãy tìm chỗ Mù Sa Cổ Quận? Đảo lên nguyên khê, lộn về phố thị, chỗ sân ga bến tàu, trên chiếc giường hoan lạc, giữa bàn hội nghị, lúc ngâm vịnh, khi nhảy disco; ở đâu? nơi nào? trong Cõi Tồn Sinh rất nhiều Đánh Mát này một đúng nghĩa Lý tưởng? rõ mặt Cái Đẹp? Vả, trong tuyệt trừ ngóng vọng còn chẳng một *thiên nhất phương* để mà ký gởi? mà *vọng mỹ nhân hề?*...*Em còn ở với sơn hà/ Anh còn mất hút gần xa mất hoài... Hỏi rằng người ở quê đâu/ Thừa rằng tôi ở rất lâu quê nhà.*

Tuy nhiên, với những người con yêu dấu, cuộc bám trụ mang nặng tổn thất này xem ra vẫn là một giềng mối đạo lý mãi mãi tươi xanh đạo lý. Nó hoài hoài thơ mộng khi quê nhà đã là một hiện trường có thật - trần trụi từ khi tôi ở trường chào đời đến lúc tôi không còn khả năng bận mỗi bộ áo quần để chui vô quan tài - là thế; không nên giải thích nữa, tuy chưa hóa đá nhưng quanh tôi vốn vậy; nên diễn dịch nó bằng cách nói đương nhiên cạn cợt, mà tất nhiên sâu thẳm, như nói về một cục gạch, về mỗi bếp lò. Dạ thừa xứ Huế bây giờ/ Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.

Một câu hỏi cần thiết tôi muốn hỏi: “Quê nhà Bùi Giáng nơi đâu?” Đã hẳn là quê nhà ông “thừa rằng” đó không? Bùi Giáng chưa hề định nghĩa một quê nhà rộng hẹp, thước tấc, kiểu Quốc văn giáo khoa thư; mặc dù ông từng tha thiết yêu, và khẩn thiết, kêu gọi vi trùng, chuồn chuồn châu chấu, tập-thể-bò-dê trong đời sim trái chín hãy rộng lòng để cùng ông hòa mình cuộc thương yêu.

Đã không hề giam mình trong định nghĩa, lại càng không giam mình trên một mặt đất dù nó khá mênh mông, vậy ông có một quê nhà nào trong cái vũ trụ mà ông đọa đày khắc khoải gọi tên? Có thể, hiển nhiên là có thể thôi, Bùi Giáng có một mái nhà trong một quê hương rộng dài: Cõi Thơ. Trên quê hương không chiều kích không gian và thời gian đó, Bùi Giáng là đứa con trung thành rất mực dưới mái nhà Thơ, và là một tay kịch liệt tung hoành, mặc tình dâng hiến, thỏa dạ cuồng si trong quê hương Thơ. Ở đó ông trùng phùng những công dân thế giới, những con người ưu tú từ nhân loại cổ kim. Hãy đọc một trong những bài thơ sau cùng của ông:

Uống xong ly rượu cuối cùng
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên.
Uống như uống nước ngọc tuyền
Từ đầu tiên mộng tới phiên muộn sau

Uống xong ly rượu cùng nhau
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời
Em còn ở lại vui chơi
Suốt năm suốt tháng suốt nơi lan tràn
Riêng anh về suốt suốt vàng
Trùng phùng Lý Bạch nghênh ngang Tản Đà
Em còn ở với sơn hà
Anh còn mất hút gần xa mất hoài
(Uống rượu)

Thường tình thì hẹn là để gặp lại, nhưng Bùi Giáng hẹn là để “quên nhau muôn đời”. Lời di chúc cho Em trước một Ra Đi. Nó buồn tênh nhưng sáng ngời cái khí phách thanh sạch, ngời sáng của một Thi Sĩ. Giã từ phương này trùng phùng được Lý Bạch Tản Đà đầu kia. Uống ly rượu cuối cùng trong thân thái đầu tiên. Không hề là Vĩnh Biệt, chỉ có Ra Đi, là Được Về. Đặt biệt ở đây mọi hình tượng hiện tồn vọng viễn chỉ tinh mật góp lại một từ, đó là Em. Không phải Bùi Giáng hôm nay mệt mỏi, hóa ra hiện từ, không còn bay phá trong thế giới chữ nghĩa muôn điệu của ông, mà Em chỉ là Một Tiếng Kêu. Là Nhất phiến hàn thanh tổng cổ kim (5) Em là Ai? Người ta đã từng gọi Tự Do là Mi kia mà. Tây cầm cung bậc xô ngang/ Nửa chừng dâu biển lấp ngàn ước mong. Tuy nhiên Anh suốt suốt vàng, Vẫn mong Em còn suốt cõi trần vui chơi. Một chia biệt buồn bã vẫn tràn đầy tự nhiên, hò hẹn, hy vọng; một cuộc đùa vui trong sáng, tự tại. Mây rừng tháng chạp bỏ sung/ Mộng đi theo mộng cuối cùng cho mai.

Sau cùng, một điều nên đề cập tới - không thể tách rời khi viết về một Bùi Giáng thơ - đó là phong cách đặc biệt của ông trong khảo luận, dịch thuật và những bài tạp luận. Vì đây cũng chính là thơ.

Bùi Giáng đề cập đến tất cả các nguồn triết học Đông Tây cổ kim (hàng trăm thi sĩ triết nhân nhà tư tưởng đã được đề cập), ông ca ngợi, ủng hộ cũng phê phán tất cả từ Khổng, Trang, Lão, đến Socrate, Platon, Heidegger, Kant, Sartre... nhưng cái nhìn của ông - qua văn xuôi - là thơ, lẫn thơ mộng, lẫn mộng mị. Do vậy ta nên đọc Bùi Giáng theo cách chơi, như một thưởng ngoạn lấy cái thi vị.

Trong bài Đạo Đức Kinh ông đề cập tới Đạo như vậy: “Không tin tưởng vào bất cứ gì mà vẫn yêu đời, ấy là đạo vậy. Tin tưởng tất cả mà vẫn chán đời, ấy là đạo vậy... Không đi lính mà mặc áo nhà binh ấy là đạo vậy. Đi tu mà cứ ăn mặn hoài, ấy là đạo vậy...”

Trong Đi Vào Cõi Thơ là thế này: “Thế nghĩa là gì? Có một cõi và một cuộc đi. Cuộc đi có nhiều thể thái. Có thể đi theo lối chu du của ông Khổng Tử. Có thể đi theo lối ngồi im không rục rịch suốt bao nhiêu diên trường tuế nguyệt dưới gốc cây bồ đề theo lối Như Lai. Cũng có thể đi theo lối anh lừa bò vào đời sim trái chín”...

Trong Đường Đi Trong Rừng, Bùi Giáng làm thơ lý luận về học thuật một thôi rồi quay ra “tả cảnh” các triết gia thi sĩ thế này: “*Ôi điều hiu con chim nhận Hoelderlin! Ôi con ngỗng trời bắt tuyệt Nguyễn Du! Con hạc vàng huyền ảo Nerval! Con sư tử hồng thời phương thảo lục Nietzsche! Con tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng Heidegger! Con du hí thần thông tam muội tận Shakespeare! Con phiêu bồng hồng nhận tuyết trung khan Homer Sophocles! ôi con gà rừng con nai rú!...*”

Những phạm trù tư tưởng được ông đùa chơi đề cập, thường là thông qua chiều kích của ngôn ngữ hình tượng, biểu trưng, hơn là Đáp - Giải bằng Lý. Ông bày ra trên bàn tiệc hình nhi thượng là những cô em phương trời, ông phó Như Lai, bà Trời Trắng; bằng một kỹ thuật dựng hình lớn ngồn, lý luận không biết đâu là Hỏi ra Đáp vào. Bởi, bày ra câu hỏi cũng chính là một Trả Lời. Trả lời chính là một nan vấn, khẩn thiết một khởi đầu cho một tra vấn mới. Giải mã được: “Vi sao hôm nay đã đánh mất Nguyên Sơ” có nghĩa là “vi sao Sơ Nguyên không là hôm nay”, như thế là ta đã đẩy đưa một sự vụ thật ra đơn giản trở thành ảm đạm rối rắm; ngay lúc ấy ta đắm chìm trong một tưởng mộng sơ nguyên khi đang sống trên một mặt đất trầm trọng

với đạn bom thương nhớ, Tại ni hằng thể là ta tự tình. Dưới mái lợp ngàn ngàn tinh tú này luôn hồi vọng những tiếng kêu xanh đen, lạc loài. Và bao nhiêu lời giải đáp là ngàn ấy nhân lên những nan vấn kế thừa. Vậy thì, hãy nghe bằng vô ngôn thông vậy.

Vi sao có sự thể vừa tinh mật vừa phồn tạp trong một Bùi Giáng. Chúng ta nên hiểu thêm một con người khác trong ông. Đó là một Bùi Giáng thông tuệ hãy còn lưu dấu sâu xa cái gốc gác thánh thiện một trẻ thơ lớn lên từ luống cày nương rẫy. Cái thật thà hài thơ ấy đã trở thành bản chất, đã nằm trong bịt bùng tầng tầng vùi lấp của cõi thời gian đời người. Nó được nén chặt, đè kín, được lay-out kỹ càng nơi vô thức nhưng nó có sức bật dậy và phóng bủa mông lung khi được thực tại click vào nó. Nó đã giúp ông bao năm lang thang giữa phố thị mà vẫn vô tình gắn chặt với hương đồng cỏ nội, với nương rẫy vườn rau lối ngõ quê mùa - cả thơ văn lẫn con người. Phát biểu của ông lắm khi dân dã thật thà, thể hiện một cái Đẹp trần trụi, khật khùng, thô, không hào nhoáng son phết. Ngôn ngữ Bùi Giáng là mặt bằng của tranh lụa, của tranh sơn dầu, của cả hốc hang một tượng điêu khắc.

Bùi Giáng cũng là người rất mực tình cảm, rất mực thiết tha với bất cứ cái đẹp nào. Sống ở đâu ông cũng lưu lại một nỗi nhớ, một kỷ niệm, một nhắc nhở. Nhưng cái nhớ ấy không cạn cợt mà đã hóa thân là mơ màng, tưởng vọng, bay bổng tiếng kêu chung của phận người. Ông điên giữa phố thị nhưng Mỹ Tho Sài Gòn vẫn là nơi thuận tiện ngắm trời mây, dễ dàng hà tiện, dễ dàng bê bối, không cần thiết nhân danh tháng ngày để tiết kiệm thời gian. Ở đời sáng uống cà phê/ Quán trong hẻm nhỏ như quê quán nhà/ Ngoại ô thành phố phồn hoa/ Ấy Sài Gòn ấy thiết tha bấy chầy.

Tóm lại, cuộc phiêu bạt của Bùi Giáng qua cuộc đời này là hình ảnh của một thiên thần trên chốn lưu đày. Nơi đây ông đã tự thân bày cuộc ngao du, minh triết hí lộng. Để chi vậy? Để viên mãn: “Cuộc - đời - ở - nơi - tạm - cư”; và đánh trả cái nhân danh thiên đàng, lãnh địa của mọi nguồn gốc lưu đày.

Bùi Giáng đã có một đời thơ năm mươi năm sáng tác; hơn hai mươi năm ông đã cùng các nhà thơ lỗi lạc Phương Nam mở ra một vận hội Muôn Màu cho Văn Hóa Phương Nam. Nhưng nhìn ở bất cứ góc cạnh nào ông mãi mãi là một thi hào riêng Cõi, độc lập, một bát ngát tượng đài. Do đó, tôi thấy không nên - không thể qui kết định đặt Bùi Giáng vào một trường phái khuynh hướng, một tổ chức nào cả. Mọi nhãn hiệu có lẽ chỉ vô tình khoanh tròn, thu hẹp, công thức hóa cái thể giới Thi Ca dài rộng mệnh mông của Bùi Giáng.

LỜI TẠM BIỆT

Anh Bùi Giáng! Hôm nay anh đã thật sự có ngày tháng ngao du. Anh để lại đây một tượng đài trong lòng người đọc giữa bạn bè anh em; một tượng đài không cần thiết phải xây bằng bê-tông cốt thép mới đời đời bền vững.

Hôm kia tôi ghé Bình Thạnh để thấp anh một nén nhang. Con đường mưa, đầy vườn lá rụng. Tôi nhớ anh Những Ngày. Ngày ở Đại học Vạn Hạnh. Ngày ngồi cà phê Năng Mới. Ngày của những Đêm-Đen Giữa-Ban-Ngày. Mỗi chúng ta bị thời gian nghiền nát mỗi cách, nhưng anh luôn là một khuôn mẫu tự nhiên nát đặc biệt. Tôi rất khoái cuộc tự hủy mang tính nhiệm màu tỏa bóng của anh. Tương lai sẽ nói gì? Đó là quyền của tương lai. Nhưng tương lai sẽ có một thái độ rất trung thực, thanh sạch, và tích cực lưu giữ những gì là tốt đẹp Hôm Nay. Chúng ta không ích kỷ kỳ vọng tương lai nhớ mình, nhưng Ngày Mai sẽ có trách nhiệm lưu giữ anh, soi sáng những gì anh để lại. Chúng ta chưa hề đi vào những con đường hầm không có đầu kia. Sau cùng, tôi nghiêng mình xin lỗi anh vì đã quá ngớ ngẩn bàn luận về thơ anh, điều mà anh rất ghét kỵ. Anh chẳng bảo: “Thơ chẳng có gì để bàn ra tán vào. Muốn, hãy cứ làm một bài thơ tương phùng nọ để đáp vào tận địa một bài thơ kia”.

Nếu anh trách giận, tôi sẽ cười như niềm vui nhắc bảo và đảm ảm thưa rằng: “Cõi bờ con mắt Hoa Nghiêm/ Tường vôi lá cỏ lim dim vô cùng”.

Mong thượng giới hãy dành một suất tự do để Con Người Chơi Chơi được tiếp tục cuộc tràn lan phiêu bồng.

Ghi Chú

- (1) Thơ văn Bùi Giáng được trích từ *Mưa Nguồn, Đường Đi Trong Rừng, Mùa Thu Thi Ca, Lễ Hội Tháng Ba, Sa Mạc Trường Ca, Biển Đông Xe Cát, Trăng Châu Thổ. Ngày Tháng Ngao Du, Rong Rêu, Đêm Ngắm Trăng*, và những bài thơ sau cùng chưa in thành thi tập.
- (2) *Trên mặt đất này đâu đâu cũng là dòng Mịch La.*
- (3) *Lúc trời chiều đứng ngắm cảnh tự hỏi đâu là quê nhà – Hoàng Hạc Lâu, Thôi Hiệu.*
- (4) *Sống ở trên đời như giấc mộng lớn, Làm chi cho vất vả thân mình – Xuân nhật túy khởi ngôn chí, Lý Bạch*
- (4) *Sống ở trên đời như giấc mộng lớn, Làm chi cho vất vả thân mình – Xuân nhật túy khởi ngôn chí, Lý Bạch*
- (5) *Một tiếng sóng lạnh tiến đưa kim cổ - Nguyễn Du.*

Bùi Giáng trong tôi Hoàng Phủ Ngọc Tường

Bùi Giáng (1926-1998) là một nhà thơ có kiến thức uyên bác đã cho xuất bản trên 60 cuốn sách (14 tập thơ, 19 dịch phẩm, 6 sách giáo khoa và nhiều tập biên khảo triết học và thơ) và hiện còn 10 tập thơ và nhiều bản dịch chưa được công bố. Ông nổi tiếng trên văn đàn với lối thơ "xiêu đình đổ quán" mà ông có thể "nhảm bút" cả chục bài liền trong quán rượu hay quán cà phê. Tên ông đã trở thành một huyền thoại văn chương; để hiểu thêm về ông, chúng tôi trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc bài viết (bằng miệng, có người chép lại) đầy cảm hứng riêng của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Trước mắt tôi là chân dung của một người đứng tuổi, tóc và râu cằm lưa thưa, gương mặt hốc hác, có một mắt mang kính đen khiến tôi nghĩ đến một câu nhạc của Trịnh Công Sơn "còn hai con mắt khóc người một con...". Đó là chân dung Bùi Giáng do bé Ký vẽ để lại cho tôi trước khi xuất ngoại. Còn lại là, đầy ắp trong tôi, những điều tôi nghĩ về Bùi Giáng và đã kết luận từ lâu. Điều tôi kết luận, thứ nhất, rằng tên tuổi Bùi Giáng thuộc lớp thi sĩ hàng đầu của hậu bán thế kỷ XX, có trước cả những tác giả của những câu thơ sang trọng kiểu này: "Thướt tha hồn của bông hường, nghe trong hơi gió còn vương máu hồng". Vậy cứ một nửa thế kỷ còn lại một người. Tôi nói như thế chắc sẽ làm nhiều người bực mình, và tôi cũng e rằng miền Bắc ít có người biết đến Bùi Giáng thưở ông nổi tiếng. Chế Lan Viên đã khẳng định trên báo Tuổi Trẻ như thế về Hàn Mạc Tử và thơ VN tiền bán thế kỷ XX.

Bùi Giáng có công rất lớn với thi ca VN, trước hết là về phương diện từ ngữ, chữ của Bùi Giáng là chữ bụi bặm thường ngày; hình như người ta vứt đi, và ông nhặt lên, phủi phủi, hà hơi vào, để tất cả hóa thành thơ. Trong thơ Bùi Giáng có cả "cánh chuồn chuồn và cánh bướm". Đó chính là tập thơ *Mưa nguồn* mà gần đây NXB Văn học mới in lại của Bùi Giáng. Bên cạnh thơ siêu thực, thơ tự do của thời thượng bấy giờ, giọng thơ dân gian của Bùi Giáng đã khiến ông trở thành một hiện tượng không thể phủ nhận, cũng giống như Nguyễn Bính thời tiền chiến. Ví dụ, ai đã đọc những câu sau:

*Làm con bé chạy đòi sim
Vấp chân hốc đá tiếng kèn nguyệt ma
Ngày mai bụng mặt khóc òa
Trời trên đất dưới hóa ra chung tình.*



thì ắt không thể nghi ngờ về công của Bùi Giáng đối với thơ VN.

Thứ hai, nói đến thơ VN, là chắc chắn ta nghĩ đến thơ lục bát. Không hẳn vì chỉ có VN mới có thể thơ này (Chiêm Thành cũng có) mà bởi vì đó là thể thơ của nhịp hai, là nhịp của cái gàu tát nước, là tiếng đưa võng, là nhịp của tao nô, và là nhịp của trái tim đập trong lồng ngực. Thí dụ thứ nhất thuộc về Nguyễn Du:

Trăm năm/trong cõi/người ta

Chữ tài/chữ mệnh/khéo là/ghét nhau

Bùi Giáng cũng đi nhịp hai như vậy. Hồi chúng tôi còn trẻ (cuối thập niên 50), tôi thường lui tới một căn nhà trọ thuộc hẻm Lê Văn Duyệt (nay là đường CMTT), và đi ngang qua nhà của Bùi Giáng. Đó là một căn nhà hầu như trống trải, nghe nói do một người bà con giàu có là bác sĩ Tín mua cho và gửi trước cả tiền cơm tháng dù ông Bùi Giáng có về ăn hay không. Tôi nhìn vào thấy lũ trẻ trong xóm đang ngồi đầy căn phòng, miệng hò la:

- Ông Bùi Giáng! ông đờn (đàn) đi!

Bùi Giáng làm bộ cầm một cây đàn violon và kéo, vừa "hát" thơ của ông theo điệu bài chòi:

Đem tôi đến giữa màu đêm

Giết tôi chết giữa người quên mặt người

Lũ trẻ vỗ tay ran ran. Chúng tiếp tục hò reo:

- Ông Bùi Giáng đờn hay quá! Đờn nữa đi!

Bùi Giáng tiếp tục:

Hãy đem tôi tới ngoài xa

Giết tôi chết giữa màu hoa trên ngàn

Ông lại cười ha hả, vừa đàn với cây vĩ cầm ảo tưởng, vừa hát theo ý lũ trẻ: "Ông hát đi, ông hát nữa đi"

Hãy đem tôi tới ngoài xa

Giết tôi chết giữa dâu Tần cỏ Yên...

Ông Bùi Giáng giống như người Nghệ, ít thay đổi giọng nói. Giọng Quảng của ông phỏ vào điệu bài chòi nghe gan ruột lạ lùng. Có người thấy việc kể lại rằng: Một ngày nọ, ông Bùi Giáng ra hóng mát đầu hẻm, thấy một người đàn ông từ lục tỉnh lên, vừa đi vừa dòm những số nhà. Bùi Giáng giữ ông già lại, mới biết ông đang đi tìm thuê một căn nhà. Bùi Giáng đon đả:

- Mời ông vô ở với tui, khỏi phải thuê nhà, tui cho ông ở không lấy tiền.

Ông già lắc đầu:

- Cảm ơn thầy, nhưng tôi còn ở chung với cả gia đình.

Bùi Giáng ngập ngừng một lát, rồi gật đầu:

- Gia đình cũng được. Tui ở một mình buồn quá!

"Gia đình" của ông già gồm có vợ, hai cô gái mà ông gọi là "con Hai, con Ba", và người chồng của cô Ba là một trung sĩ (chế độ cũ). Một hôm ông trung sĩ đi chiến trường Tây Nguyên về, gặp ông Bùi Giáng đang đưa cô Ba đi chơi công viên. Ông Bùi Giáng lịch sự xin phép ông trung sĩ đi chơi với cô Ba một quãng, tới cái máy nước gần đó rồi đi vào trở lại, "trả vợ" cho ông trung sĩ. Ông trung sĩ cười vui vẻ:

- Thầy cứ tự nhiên, có sao đâu!

Và Bùi Giáng làm theo lời hứa.

Một hôm cả nhà làm một bữa cơm thịnh soạn đãi ông Bùi Giáng. Nửa chừng, ông già ngỏ ý gả cô Hai cho ông Bùi Giáng, "vì con Ba đã có chồng rồi". Ông Bùi Giáng nói tinh bơ:

- Tui biết rồi. Hiềm vì cô Hai xấu quá, không hợp nhãn tui.

Sau này người ta biết rằng ông Bùi Giáng yêu cô Ba mê mết. Thành thạo người ta đọc thấy một dòng chữ viết phấn trên cái bảng đen vẽ giữa nhà: "Vì BG làm cô Ba giận nên không dám về. BG xin phép cô Ba vắng mặt...ngày...".

Hồi đó, tôi dạy Việt văn ở trường Tư thực Văn Lang còn Bùi Giáng dạy lớp luyện thi ở gần đó.

Tôi thấy Bùi Giáng ra đề: "Nếu cho anh chọn giữa Thúy Kiều và Thúy Vân làm vợ, thì anh sẽ chọn ai". Tôi cười thầm trong bụng, vì tôi cũng dạy Kiều ở lớp đệ nhị. Lớp đông học trò, nên dạy nửa chừng, áo ông Bùi Giáng ướt đầm dề. Ông cứ tự nhiên đứng giữa lớp cởi áo ra, nhét

vào túi quần và lôi từ túi quần kia một cái áo nhàu nhò và mặc thay vào cũng giữa lớp. Cách dạy đó, từ lối ra đề đến lối mặc áo đều bộc lộ tính tự do tuyệt đối của Bùi Giáng.

Ở Huế, có một người in thiệp, dòng trên tên mình thì dòng dưới ghi cả chức vụ của cha, ông nội và cố, toàn là quyền cao chức trọng. Bùi Giáng chẳng xem những điều đó quan trọng gì, dù ông thuộc về gia đình của Hoàng Diệu. Nhân một cuộc cãi vã, ông đứng trước nhà thờ họ Hoàng, kêu Hoàng Diệu bằng thẳng, chửi vã một hồi rồi bỏ đi thẳng đến mấy chục năm. Rồi chiến tranh làm chúng tôi xa nhau.

Sau giải phóng, tôi tìm thấy một tấm thiệp mốc meo ở trong sách nhà Đình Cường, tấm thiệp chỉ ghi:

Hỏi tên, rằng: "Biển - Dâu- Ngàn"

Hỏi quê, rằng: "Xứ mơ màng", đã quên

Quả nhiên đó là thiệp của Bùi Giáng. Ông chỉ nhớ như vậy và đã quên cả tên của mình. Tôi nhớ Đặng Quân "ở bên Pháp" có lần nói: Quê hương nhà thơ thuộc "bông lông xã, Ba la huyện". Hỏi quê, rằng xứ mơ màng đã quên".

*

Tôi có thói quen khi đi đường rừng một mình thường ngâm thơ, hoặc hát vang, để nghe giọng người trong hoang vắng cũng đỡ cô độc. Lần ấy, tôi đi lấy lá nón về lợp nhà, ngâm to bài thơ sau đây:

Người trở về trên năm ngón chân

Tôi buồn, người bảo có tay nâng

Bàn tay người có đầy năm ngón

Người đứng xa tôi tiến lại gần

Tôi gặp người mừng rỡ biết bao

Trời xanh như lá ở trên cao

Con chim nó nhảy trên cành lá

Người nắm tay tôi nhẹ dẫn vào

Ngôi nhà người dựng giữa trời xanh

Cửa ghép bằng cây với nhành cành

Để khép sơ sơ và cũng để

Mở mời anh chị bước vào nhanh

Hôm xưa đi đón củi trong rừng

Lạc mất đường về chợt bỗng dừng

Sực nhớ nơi đây rừng núi thăm

Là quê, thân thiết biết bao chừng

Vừa đọc đến đoạn cuối tôi chợt nghe một giọng sang sang vang lên sau lưng:

- Chà, anh T đọc thơ hay quá. Thơ ai đó?

Nghe giọng nói tôi đoán là anh Th, đang đứng bên lề con đường mòn dẫn vào cơ quan tỉnh ủy, tôi lẹ miệng:

- Dạ, thơ Xuân Diệu

- Ông Xuân Diệu làm thơ hay quá nhỉ? Vậy mà hỏi đi học tôi không biết.

- Ai mà đọc cho hết thơ của Xuân Diệu. Ông Xuân Diệu làm thơ nhiều lắm.

Tôi quay nhìn lại, thấy anh Th vội vã đi trên đường mòn. Thật ra đấy là một bài thơ của Bùi Giáng, không biết bao giờ đã lọt vào trí óc tôi. Tôi nhận thức đây là một bài tóm gọn hiện tượng luận của Heidegger trong quyển "Những con đường rừng": Khách thể (ở đây là chân lý) có đặc điểm cõi mờ (sẵn sàng để được nhận thức) và chủ thể thì hiểu bằng sự thông cảm. Hình như Bùi Giáng thích hiện tượng luận của Heidegger hơn thuyết hiện sinh của Jean P. Sartre. Chẳng thế mà trong một quyển sách viết về Heidegger, Bùi Giáng đòi dùng roi quất Jean P. Sartre, "để cho nó biết thế nào là triết học" và khi có người chê quyển sách ấy thì Bùi Giáng đến xóm gõ cửa đòi đánh nhau (lúc ấy Bùi Giáng còn trẻ nên rất hăng).

Tôi cho rằng cái tài năng làm thơ không cần phải đi thực tế. Một lần tôi đi ngang qua Rừng Thông, một xã Trường Sơn giáp giới giữa Thừa Thiên - Huế và Quảng Trị. Những o du kích đi

bật hàm sau Mậu Thân lên sống tạm ở hầm hố trên núi đến độ họ bị nạn cháy rận: Các o đi ra miền Bắc, ngồi giữa rừng thông bắt chấy cho nhau và khi họ vạch tóc ra, thấy tóc xanh trở thành bạc vì trứng chấy. Tôi nhớ lại:

Hai bên đường ngồi lại

Những người đếm tóc nhau

Kỷ niệm về kinh hãi

Tóc xưa đã phai màu

và thầm nghĩ: Quái lạ! ông Bùi Giáng đi thực tế lúc nào mà biết cảnh này? Có lẽ ông đã thấy nó khi ông còn là một thiên thần sống trong thế giới hoàn hảo mà Platon gọi là thế giới ý niệm; ở đó, ông đi dự đám rước những ý niệm, trong đó có ý niệm đếm tóc trên. Ông sa đọa xuống cõi trần và trở thành nhà tiên đoán, đời gọi là thi sĩ...

Năm ngoái, tôi và Ngô Văn Tao có đến nhà riêng ở Bình Thạnh tìm Bùi Giáng. Ông Văn Tao là giáo sư toán học ở Canada, thi sĩ đã in nhiều tập thơ ở trong nước và xem Bùi Giáng như sư phụ...Bùi Giáng giởng điệu thuốc trên tay tôi như sợ tôi hút hết và quên mời ông, nói:

- Từ đây đến chết tao còn một vụn câu thơ. nhưng mày chỉ cần nhớ hai câu này là đủ.

và ông đọc:

"Ngày mai cá sống phiêu bồng

Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi"

Ông nói chuyện với tôi, ngồi xôm trên nền nhà và mặc chiếc quần lãnh ở trong, thò hai ống quần ra ngoài chiếc quần cộc. Nên có người nhận thấy ông choàng một tấm vải có treo lon tùm lum và rong chơi khắp phố phường. Ông tự xưng là "trung niên thi sĩ". Còn tôi coi ông là người của nỗi cô đơn không thềm nói ra. Nghe nói chiếc quần lãnh kia cũng thuộc một người đàn bà mà ông ngưỡng mộ. Trong bài thơ *Phụng hiến* nổi tiếng, ông đã viết những câu thật là nhân ái:

Tôi gửi lại đây mấy dòng ảo não

Mấy vần thơ tuyệt vọng gửi cho em

Rồi gục đầu trên trang giấy hão

Em bảo rằng:

Đừng tuyệt vọng nghe không?

Còn mãi đây,

Trang thơ thấm lại với đời hồng

Hoá ra đỡ đầu cho nỗi cô đơn của ông cũng là một bàn tay con gái...

Kẻ cuồng sĩ trong vườn cây

Phạm Xuân Đài

Hiện nay có lẽ không có một người nào trong giới văn nghệ trước đây ở miền Nam -và có lẽ cả nước- được yêu mến như Bùi Giáng. Những ai từng sống trong không khí văn nghệ ấy, bây giờ sau khi trải qua thực sự một cuộc bể dâu, dù ở trong nước hay ra nước ngoài đều nhớ tới anh như một đám xanh tươi duy nhất còn sót lại giữa một vùng đã bị sa mạc hóa cằn khô. Có điều lạ là trong những người yêu mến và kính phục Bùi Giáng ấy không ít người chưa từng đọc thơ hoặc bất cứ thứ gì anh viết hoặc đã đọc nhưng vị tất đã hiểu. Không cần. Anh có một ma lực tự nhiên của đáng tài hoa, và ảnh hưởng của anh trong cõi tinh thần của một số đồng người là có thực.

Cuộc sống của anh tại Sài Gòn hiện nay là của một cuồng sĩ, khi thì thu mình trong túp lều của anh tại một khu vườn bên Gia Định, khi thì lang thang vô định trong cơn điên. Những cơn điên như là dưỡng chất cho cuộc sống và đặc tính của anh, nó làm cho anh bùng cháy lên, phát tiết một cách thâm thẳm những gì có trong anh, sống với anh, là chính anh, mà anh không nói ra

được. Ngôn ngữ đời thường bất lực. Chỉ có thơ và những cơn điên. Thơ Bùi Giáng tung hoành bên trên lề thói thi ca, cũng như ngôn ngữ và cử chỉ điên cuồng vượt ra khỏi khung khổ của cuộc sống xã hội. Bây giờ anh ít làm thơ lắm, còn các cơn điên thì viếng anh gần như định kỳ. Những lúc ấy anh đi nhiều nơi, nhưng thường xuất hiện vùng chợ Trương Minh Giảng (chỗ Đại Học Vạn Hạnh là nơi ngày xưa anh từng trú ngụ), đứng giữa đường vung tay điều khiển xe cộ, cử chỉ rất linh động, đặc biệt là đôi mắt sáng quắc bùng bùng. Anh đang thể hiện một năng lực nào đấy đang đầy ắp trong người anh. Có khi anh múa may trong một lớp áo lòa loẹt, động tác mạnh mẽ chính xác gần như múa võ, miệng hò hét như đang nạt nộ với một đối tượng vô hình đang hiện diện ngay trước mặt mình. Đêm khuya một hai giờ sáng người ta nghe thấy một người vừa đi vừa tranh luận với chính mình, lời lẽ khó hiểu, thì ai nấy đều biết đó là Bùi Giáng. Chỉ có các em nhỏ là im thin thít. Đối với chúng, “ông Bùi Giáng” là ông ba bị thực sự hiện diện trên cõi đời này. Gầy gò, dơ bẩn, tóc hoa râm có khi dài chấm vai, quần áo tả tơi, hay múa may la hét, đôi mắt sáng rực một cách ma quái sau cặp kính trắng, tất cả thành viên các nhà trẻ vùng chợ Trương Minh Giảng đều thất kinh với hình ảnh ấy. Hình như nhà nào ở khu vực này cũng biết dọa con nít khóc nhe bằng câu “Ông Bùi Giáng đó, nín đi” và câu dọa có hiệu lực tức thì. Nhưng nhiều người lớn khi nói câu ấy thì cảm thấy một nỗi xót xa vô hạn, thương cho một người mà họ biết trí thức và tài hoa, nhưng định mệnh đã buộc anh phải tự thể hiện một cách dữ dội và khác thường như thế. Chính Bùi Giáng sau những cơn điên đều kiệt sức vì đã phung phí năng lực quá nhiều, anh nằm im trong một thời gian, tinh thần tỉnh táo nhưng suy sụp và cảm thấy một nỗi buồn vô bờ bến.

Bùi Giáng sinh năm 1926, con cháu họ Bùi là một tộc lớn gốc ở Vĩnh Trinh, tỉnh Quảng Nam. Năm 1945, anh đang ở độ tuổi hai mươi, vừa đậu tú tài, kết thúc thời kỳ đi học tại Huế. Anh về quê, và trong khung cảnh “lúc kháng chiến xa nhà biệt ly đời gấm hoa,” anh bắt đầu cuộc đời chăn bò, chăn dê ở khắp các miền núi rừng, và có lẽ trong chính thời kỳ này anh bắt đầu đi vào thế giới thi ca.

*Anh lừa bò vào đồi sim trái chín
Cho bò ăn cỏ giữa rừng sim*

...

*Cây lá bốn bên song song từng lú
Sánh đôi nhau như ứa lệ ngàn ngàn
Hạnh phúc với trời đất mang mang
Với bò giữa rừng hoang đương gặm cỏ.*

Cuộc đình chiến năm 1954 là một vận hội đối với anh. Sài Gòn, thủ đô thời ấy, đang chuyển mình để thành một trung tâm chính trị văn hóa kinh tế lớn, cùng với cuộc di cư của đồng bào miền Bắc, bao nhiêu tinh hoa của cả miền Nam đang dồn về đây. Các trường đại học được thành lập, không khí văn hóa khởi sắc trước một vận hội mới. Bùi Giáng đến Sài Gòn, hòa nhập ngay vào không khí ấy. Sau chín năm cắt đứt với học vấn đích thực để thả hồn trong đồi sim với bầy bò hoặc sống “Nỗi lòng Tô Vũ” cạnh bầy dê, giờ đây Bùi Giáng trở lại với chữ nghĩa. Thoạt đầu, anh đến với Đại Học Văn Khoa, nhưng rồi anh tự học. Anh đọc rộng về triết học và văn học, thậm chí tự học tiếng Đức để có thể đọc nguyên văn các tác giả Đức, đi dạy Việt Văn, viết sách giảng luận về văn học (các luận đề văn chương), về triết học (Tư Tưởng Hiện Đại 1962; Heidegger và Tư Tưởng Hiện Đại I, II ở 1963...) dịch sách và viết văn, làm thơ (Mưa Nguồn, Lá Hoa Cồn, Ngàn Thu Rớt Hột, Mầu Hoa Trên Ngàn, xuất bản trong các năm 1962, 63). Nghe nói có thời gian anh vẽ tranh. Đó là một con người sung mãn sáng tạo. Các bản dịch của anh dù là triết học hay văn học đều là các sáng tạo đẹp để để nuôi sống được tinh thần nguyên bản. Trong vòng hai mươi năm (1955-1975) Bùi Giáng đã tạo nên một văn nghiệp đồ sộ, và cũng trong thời gian ấy, lúc nhạt lúc thưa, khi nặng khi nhẹ, các cơn điên vẫn đến với anh. Anh không có gia đình.

Từ sau năm 1975, cuộc sống của Bùi Giáng suy sụp xuống một bậc, các cơn điên có vẻ mạnh và thường xuyên hơn. Trong vòng đùm bọc của bà con, anh được cư ngụ trong một căn lầu nhỏ làm riêng cho anh giữa một khu vườn đầy cây lá. Chỗ ở thích hợp với anh lạ lùng. Nó như một cái am của ẩn sĩ, như “túp lầu lý tưởng” cho một nhà thơ, lại cũng là nơi nương náu đầy may mắn của một kẻ không vợ không con không sản nghiệp. Ở đây anh được yên tĩnh và tự do. Cái góc xanh tươi kín đáo ấy giữa đất Sài Gòn hỗn độn sau 75 là một món quà đặc biệt mà số phận dành cho một kẻ tài hoa lận đận nhưng rõ ràng là cũng có phước có phần.

Cái ông già gầy gò ngoài sáu mươi ấy lấy đâu ra sức lực để trải qua các cơn điên dữ dội của mình? Đây là một điều bí ẩn. Đi lang thang hàng chục cây số bất kể nắng mưa, mùa may la hét suốt mấy ngày liền, kẻ lực sĩ chưa chắc đã làm được. Hay là anh được “tiếp dẫn” một lực nào từ bên ngoài? Nhìn anh lúc giữa “cơn” sẽ thấy rõ ràng một mãnh lực trào dâng không thể kềm chế, đôi mắt lấp lánh vừa điên dại vừa thông minh như muốn nói nhiều điều, như đã hiểu thấu nhiều điều. Những giây phút thăng hoa cực điểm. Giây phút một con người có thể thành thần.

Bây giờ Bùi Giáng không bao giờ nói về những gì mình đã trước tác. Với anh những cái đó hình như chỉ có giá trị khi anh đang sáng tạo ra chúng. Xong rồi, quên rồi. Anh là một khối tinh thần đang chuyển hóa chứ không phải là một tác giả thỏa mãn với một sự nghiệp. Nay lo tái bản cuốn này, mai được mời thuyết trình về cuốn kia, anh hoàn toàn chẳng biết một tí gì về những điều như thế. Nếu nói là nói cái bây giờ, mặc dù đó có thể là điều rất cũ nhưng nó phải đang tươi roi rói trong tâm thức của anh. Đó là chỗ Bùi Giáng rất khác chúng ta, những “người phàm,” được hiểu là những con người bám chặt lấy đời sống xã hội với tất cả các hệ lụy của nó. Anh không có gia đình nên chẳng bận tâm về vợ con; không có của cải riêng nên chẳng bận tâm chuyện mất còn; không màng tới địa vị danh vọng (dù là trong văn giới) nên chẳng khổ tâm chuyện hơn thua. Phải chăng như thế anh đã có được các điều kiện căn bản của một bậc chân tu? Bao nhiêu người thực sự thoát khỏi tham sân si như anh? Tinh thần, đời sống, văn thơ anh là một khối không phân biệt, anh đạt đến chỗ nhất quán một cách hồn nhiên. Không biết đó có phải là trạng thái của các bậc hiền triết thời xưa khi tất cả sự sống là một nguyên khối chưa đi vào thế giới ý niệm chẻ nhỏ mọi thứ ra khiến xã hội loài người vừa văn minh vừa điều đứng? Bùi Giáng hay nói về cõi “lãng đãng phiêu bồng,” phải chăng muốn diễn đạt một cách tương đối cái chỗ ngọn nguồn ấy? Trong thơ của anh Bùi Giáng cũng hay dùng hai chữ “cổ quận”.

*Đất hoa khóc vĩnh biệt người
Ngàn cây cổ quận đổi lời sương thâu.*

Người đọc dần dần cảm thấy cổ quận không còn là một thực thể địa lý của một thời đã qua mà chính là một vùng tâm thức xa xưa nào đấy trong ý thức tập thể của loài người. Đây là một hình tượng gợi cảm rất Việt Nam bên cạnh các “tro tàn Hy Lạp,” “ba người con gái chiêm bao ở bờ cỏ Phi Châu” v.v... rất tân kỳ của anh. Cổ quận ở nẻo mù khơi nào? Có phải như Huy Cận đã viết:

*Tâm tình một nẻo quê chung
Người về cổ quận muôn trùng ta đi.*

nẻo quê chung, cổ quận, luôn luôn là một nỗi niềm trong thâm sâu mỗi chúng ta?

Có lẽ vì tinh thần không vướng hệ lụy, thơ của Bùi Giáng tràn đầy một loại ngôn ngữ tài hoa, bình dị, táo bạo, bất ngờ. Đôi khi như là lời lẽ dân gian nhưng mang tính chất cực kỳ bác học. Đôi khi như một lời văng tục nhưng lại cực kỳ tài hoa. Và nhất là không theo một đường mòn nào cả. Mỗi câu thơ Bùi Giáng là một lối lạ mới phá nhưng luôn luôn mang đầy đủ bản sắc của

anh. Trong tâm thức lãng đãng phiêu bồng, anh nói ra những ngữ, những điệu thuộc về thế giới của anh. Anh xa lạ với những diễn dịch của trí tuệ, lý luận chẻ sợi tóc làm tư của cung cách học giả. Lời thơ của anh lắm khi kỳ lạ đối với chúng ta, nhưng chúng ta luôn luôn thích thú với sự tập hợp chữ nghĩa ấy, vì thấy nó “hay”, gần giống như khi đọc âm chữ Hán một bài thơ Đường, có khi không hiểu hết nghĩa nhưng tâm hồn vẫn bàng bạc một nỗi cảm hoài. Có thể thơ Bùi Giáng nói được đôi điều rất chân thật với tâm hồn ta, và ta được hưởng ít giây phút sung sướng phiêu bồng mà hầu hết chúng ta đã đánh mất, đã rời quá xa trong cuộc sống đầy phân chia đến chỗ cần cỗi này. Ta có thể chia sẻ chút nào chăng trong các câu thơ Bùi Giáng viết đã lâu rồi để tự giới thiệu mình:

*Hỏi tên rằng biển xanh dâu
Hỏi quê rằng mộng ban đầu đã xa
Gọi tên rằng một hai ba
Đếm là điệu tưởng, đo là nghi tâm.*

Ngày nay, một cách đùa cợt cho mình là đười ươi, kiểu cách khác hẳn xưa, nhưng điều anh muốn nói hình như không khác:

*Hoặc rằng người cũng là tôi
Hay là tôi cũng là tôi như người
Ấy rằng tinh thể đười ươi
Lời rằng quyết tuyệt và tươi vui và
Ấy rằng một cũng là ba
Là hai mai một mốt là hôm nay...*

Bùi Giáng chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nguyễn Du và truyện Kiều. Nguyễn Du và truyện Kiều đã hóa thân vào anh. Ngôn ngữ Nguyễn Du đã biến thành ngôn ngữ của anh tự nhiên như thức ăn biến thành sự sống của sinh vật. Anh gọi Terre Des Hommes của Saint Exupéry là Cối Người Ta, tài tình đến sững sốt nhưng lại tự nhiên như dùng một tiếng Việt vốn có từ nghìn xưa. Không phải là anh “lấy Kiều” mà là tạo ra một “ngôn ngữ Kiều.” Khắp mọi nơi trong thơ anh, ngôn ngữ ấy luôn luôn lãng đãng như gần như xa:

*Chiêm bao hội thoại ngân dài
Ý trong tờ mộng nhớ ngày Việt Nam*

*Trăng Gò Vấp sương Đa Kao
Huệ lan sực nức niềm khao khát chờ
Tưởng bây giờ là bao giờ
Sát na niệm tưởng chép thơ tặng người...*

*Dấu bèo phong vận nguy nga
Sống phơi trường mộng đầu hoa cuối cành
Dập dìu quân nhạc đại doanh
Ngàn thu rớt hột thập thành trở con.*

*Về sau chẳng biết vân mông
Ra sao thế nọ phiêu bồng thế kia...*

Gần đây một hôm đang trò chuyện với vài người bạn trong khu vườn cây, đột nhiên anh la lớn: “Nguyễn Du đâu phải như Trần Trọng Kim ‘phân tích’, vẽ ra cuộc đời Kiều để nhằm gởi gắm tâm sự này nọ của mình! Nguyễn Du khác hơn nhiều, không phải như thế, không phải như thế!”

Tuy anh không nói rõ về Nguyễn Du là như thế nào -thời gian sau này ít khi anh nói mọi điều một cách khúc chiết- nhưng qua mạch câu chuyện cùng là nhìn anh và nghe anh trong lúc ấy, người đối diện phải hiểu rằng theo anh, Nguyễn Du đâu có bận tâm về những chuyện biện minh cho mình về chuyện thi phi ở đời như trung với triều đại hay làm quan với triều đại khác, Nguyễn Du vượt xa cao hơn những cái đó, muốn trình với đời nỗi đau khổ của con người trong thiên thu. Nỗi đau như là bản chất vĩnh viễn của cuộc sống, của vô minh nhưng được miêu tả trong thân phận một con người và một hoàn cảnh lịch sử xã hội cụ thể. Cũng cụ thể như những cảnh sinh, lão, bệnh, tử mà thái tử Tất Đạt Đa chứng kiến trong những lần du hành của mình để làm khởi điểm cho một chứng nghiệm cứu đời vĩ đại. Rõ ràng tác phẩm Nguyễn Du cũng là một phơi bày như thế, một đánh động thể thiết đầy nhân bản về thân phận con người, đồng thời cũng hé lộ cho thấy khả năng đầy lạc quan của nó. (Tìm cách diễn dịch Bùi Giáng như thế có thể là... liệu mạng, nhưng biết sao, đành phải cố gắng “hiểu” anh với khả năng trí óc và ngôn ngữ hạn chế đời thường của mình thôi).

Người đọc Bùi Giáng trước năm 1975 tất nhiên rất quen thuộc với các “nhân vật nữ” của anh: Kim Cương, Marilyn Monroe, Phùng Khánh..., toàn là những nhân vật có thật của đương thời. Tuy thật nhưng họ hiện diện trong văn thơ anh, như một hư cấu, như một tượng trưng. Tuy được nhắc đến lúc nào cũng như với chút bông đùa, cái mà họ tượng trưng lại vô cùng nghiêm trang: mẫu thân, mẹ. Phải chăng Bùi Giáng muốn nhắc đến cái nguyên lý sinh sôi và êm dịu - yếu tố Nữ- vốn có trong trời đất qua tên những người đàn bà quen thuộc nổi tiếng ấy? Nhưng đây là thuộc phạm vi tư tưởng. Từ sau năm 1975 thơ anh có nhắc đến một người đàn bà khác nhưng với một cung cách khác hẳn. Không bông đùa mà thân mật. Không tượng trưng mà đầy cảm mến. Và vẫn bàng bạc một tâm tư sùng bái như trước kia.

*Tâm tùy thị hiện sát na
Căn do Hoàng thị đầu hoa Chiên Đàn
Cội trồng ánh ngọc cưu mang
Tờ rung Hoa Tạng dư vang vô ngần.*

Hoàng thị... Đó là một người có thật, trong họ hàng bên ngoại mà Bùi Giáng gọi bằng dì (nhưng tuổi nhỏ hơn Bùi Giáng ít nhất một giáp). Cũng vốn là giòng dõi thi văn, người dì từ lâu đã lấy làm khâm phục ông cháu tài hoa họ Bùi, và nhà thơ của chúng ta, trong những cơn vật vã sau 1975, luôn luôn nhắc đến người dì một cách triu mến. Đây lại là một “nhân vật nữ” nữa của Bùi Giáng, nhưng nhờ sự gần gũi họ hàng, nhờ sự chăm nom thăm hỏi từ xa của người dì, nhân vật nữ này trong thơ Bùi Giáng không thăng hoa để thành một tượng trưng của ý niệm triết học mà lại thành một tình thương mến pha nhiều màu sắc trân trọng nặng tính chất đời thường.

*Giữ ngọc gìn vàng trân trọng chút
Nghìn thu cổ lục sẽ mai sau
Hoàng Trang Thy Thy còn vang mãi
Cùng điểm quần thoa điểm điểm màu*

*Ân lộc nghìn kho lả lướt chào
Chùm chùm xuân sắc hộ xuân trao
Hồ Hương Đoàn Điểm Thanh Quan huyện
Cùng xiết bao quần cân quốc cao.*

...

Rõ ràng phong cách thơ Bùi Giáng bỗng chừng chặc lại trước dì Trang. Hình như đã lâu lắm thơ anh phóng túng như một chàng đấng tử không nhà, bỗng trở nên lễ giáo như một thời nào trẻ trung chàng còn đang vòng kèm cặp của nghiêm đường. Người dì đã làm nhà thơ nhớ lại

nếp xưa? Ta hãy đọc bài Hoàng Hoa Giữa Phố mà tác giả làm để riêng tặng dì Trang, để thấy thêm một chút phong cách xưa của anh:

*(Màu con mắt bên mùa xuân xiêu đổ
Ở bên kia nhìn ngó lại bên này
Gió lất lay bốn phương về dồn tụ
Bụi thu mờ ai phủi với hai tay)*

*Hoàng Hoa phố chợ niềm tình
Chép câu ủy tạ chưa đành bởi đâu
Hoàng Hoa Phố Thị hương màu
Đi thêm thiếp cõi mai sau lạ lùng
Hoàng hoa tinh thể não nùng
Từ mai hậu với vô cùng Hôm Nay
(Kính tặng Dì Trang)*

Và bài Tường Niệm, cảm hứng từ một câu thơ của dì Trang:

*“Mừng mãi chưa quên nổi bể bàng”
(Hoàng Trang Thi)*

*Chim xa cất cánh bay vù
Nhớ Lâm Tuyền Mộng đất phù du hoa
(Hồi sinh hồng lệ trao quà
Từ bình nguyên rộng lại nhà thăm nhau)
(Em về mấy thế kỷ sau)
Ngồi bên gốc cây
Ngủ trên ngọn sóng
Đi giữa trời mây
Tần ngần nghe ngóng
(Buồn vui như thể thân mình
Ai chia nửa máu ai giành nửa xương)*

Cũng trong khu vườn ấy, một lần Bùi Giáng kể:

“Khi ta còn nhỏ, khoảng bốn năm tuổi, mỗi khi mẹ đi vắng, ta nhớ ghê lắm, ngồi một mình đầu hè trông ngóng mẹ về. Nhưng khi mẹ ta về, bà không ngó tới ta, mà chạy thẳng vào nhà ôm lấy thằng em của ta!...”

Trong Bùi Giáng, niềm khát khao Mẹ không lúc nào vơi, dù là lúc còn thơ hay khi tóc đã bạc. Dù niềm khao khát có thể thăng hoa thành nguyên lý Mẹ phổ quát, nhưng trong đời sống của anh lúc nào cũng cần có những “mẫu thân” nâng đỡ suốt đường đi. Dù các mẫu thân ấy có thực một cách hư cấu hay hư cấu một cách rất thực, thì vẫn là một niềm an ủi êm dịu cho tâm hồn dằng dặc khao khát vỡ về của nhà thơ.

Bùi Giáng như một ngọn lửa cháy liên tục mấy mươi năm nay trong thế giới thơ ca óc của anh và của chúng ta. Ngọn lửa có khi thu lại thành một đốm nhỏ, có khi bùng lên dữ dội, có khi bị gió bão lất lay, nhưng vẫn là nguyên một ngọn lửa ấy từ đầu cho đến bây giờ. Anh không bao giờ tự phủ nhận mình để bắt đầu lại từ đầu óngiã là tắt ngọn lửa của mình đi để thắp lên một ngọn theo kiểu khác hẳn. Anh cũng thoát khỏi các hệ lụy của đời thường để không lâm vào cảnh lúng túng hoặc đối đầu khi hoàn cảnh hoàn toàn thay đổi. Ở giữa đời mà quả thực anh không dính dáng với cõi trần. Nếu đừng hiểu chữ ung dung tự tại một cách quá chặt chẽ thì quả là anh đã

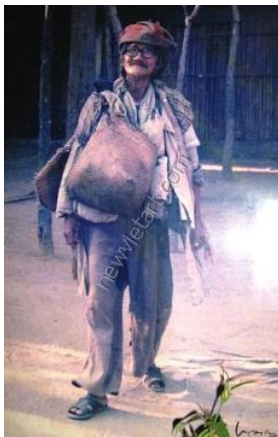
đạt tình trạng ấy, theo kiểu của anh. Trước sau anh nguyên vẹn. Có thi nhân nào của Việt Nam trải mấy mươi năm qua mà được như anh? Sau tháng Tư-1975, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... vào Nam trưng thơ tình của mình ra trong cung cách làm công tác để chứng tỏ rằng trong chế độ của họ thứ hàng nào cũng được sản xuất cả. Họ đã trưng một ít hàng-mẫu-không-bao-giờ-bán của một cơ cấu sản xuất toàn là quốc doanh. Quần chúng miền Nam cảm thấy một bãi khô cần mệnh mông. Giữa sa mạc với những viên đá đen đúa lẫn lóc, Bùi Giáng trở thành một ốc đảo xanh tươi mát rượi, ốc đảo duy nhất còn lại giữa một miền Nam cháy da sau khi “thằng bán tơ kia dở dối ra” đủ các trò ma mãnh để đổ vào khuôn tất cả mọi sinh hoạt tinh thần. Anh càng lang thang, càng lên cơn điên dữ dội, càng điêu linh tàn tạ, nhưng cùng lúc anh đang đóng vai trò của một sứ đồ tự do, bản thân anh là một bài ca đầy cảm hứng cho nỗi khát khao tinh thần tự do của xã hội. Anh thành một chỗ tựa cho bạn bè cũ và một sức mạnh cảm hóa đối với người mới đến. Anh tượng trưng cho sự “ngoài vòng cương tỏa” mà người văn nghệ chân chính nào cũng thêm muốn. Ngọn lửa của anh được giữ cháy liên tục là biểu tượng cho một truyền thống tinh thần không bị đứt. Ngọn lửa ấy không phải cháy do một thứ nhiên liệu trần thế nào nên các sức mạnh trần thế không dập tắt nó được. Anh như là một loại người nhà trời xuống để giúp con người ra khỏi được tai họa do chính sự đại dột của nó gây ra. Anh không có và không cần hào khí của một dũng sĩ rút gươm đương cự với con chằn tinh gian ác. Nơi anh không có sự phân biệt ta và nó. Chỉ là một khối tinh thần vật chất lãng đãng phiêu bồng.

Nhưng tất cả chúng ta luôn luôn cần và biết ơn cái lãng đãng phiêu bồng ấy.

Saigon 21-6-1992

Phụ đính:

Giai thoại nhà thơ điên Bùi Giáng Trịnh Hưng



Nói đến nhà thơ Bùi Giáng thì ở miền nam ai cũng biết. Ông là một trí thức. Trong giới văn học nghệ thuật, ông là một thi sĩ nổi tiếng và dịch thuật nhiều tác phẩm văn chương quốc tế và ông còn là một giáo sư dạy tại các trường.

Sau tháng tư Đen, Miền Nam rơi vào tay cộng sản thì người ta trông thấy ông đi lang thang trên khắp đường phố Sài Gòn với thân xác tiêu tụy. Trên đầu ông đội cái nón mơ, vai đeo một cái bị

to, một tay chống gậy và cứ thế lầm lũi đi không để ý đến ai cả. Ông vừa đi vừa lầm bầm như nói chuyện một mình, thỉnh thoảng lại nhếch mép cười không ra tiếng.

Bạn bè quen thuộc và các học sinh cũ của ông ai cũng nói là ông bị loạn trí hay bị điên rồi. Và họ chỉ còn biết lắc đầu thương hại và tội nghiệp cho ông.

Ông đi ăn xin. Hàng ngày, ông đi đến các nơi đông người ngả nón ra xin tiền. Ai thấy ông cũng đều cho. Ông nhận và cúi đầu cảm ơn. Ông chỉ nhận tiền mà không nhận ra người cho là người quen hay học trò cũ của ông nên ai cũng yên trí là ông bị điên. Khi nào ông cảm thấy đói bụng, ông ghé vào các tiệm ăn sang trọng, ông đứng chờ thực khách ăn xong liền lễ phép xin các đồ ăn thừa. Ông đồ tất cả vào cái cà mèn rồi đem ra ngoài tìm chỗ nào vắng vẻ, lẳng lặng ăn một cách ngon lành. Khi nào khát nước, ông ra phong-ten cúi xuống uống, xong đi tìm chỗ nào mát ông để cái bị xuống gói đầu, làm một giấc ngủ bình an.

Đôi khi người ta còn thấy ông lôi ra các cuốn sách ngoại quốc ở trong bị, ông đọc và ngâm thơ của họ, và của ông. Rồi ông ghi chép các câu thơ của ông mới làm xong.

Có hôm trời Sài Gòn nóng bức quá, thế là ông cởi hết quần áo, trần truồng tự nhiên, lội xuống các bồn nước ở các công viên đường Nguyễn Huệ, trước cửa Tòa Đô Chánh ông tắm một cách thoải mái. Đôi lúc ông mót tè, ông cũng thản nhiên vạch quần ra tè ngay trên đường phố trước mặt nhiều người qua lại. Mọi người trông thấy nhưng chẳng ai trách ông một lời nào cả, họ lắc đầu thương hại cho ông già điên.

Cơm thì ăn xin, nước có các nơi công cộng rồi, ông có tiền xài gì đâu mà cần đến tiền. Ông đi xin như vậy lại có rất nhiều tiền người ta cho. Cứ tối đến, ông lôi hết tiền ra, ông đếm thấy nhiều nên vui và cười lớn. Thế là ông đi tìm các em bé mồ côi bụi đời lang thang trên khắp hè phố. Ông bảo tụi nó kêu nhau tập trung lại chung quanh ông. Ông vui đùa với chúng, rồi sau đó, ông kéo hết lũ trẻ đến quán cơm Bà Cả Đợi, ông bảo tụi nó là các cháu cứ việc ăn cho no nê thỏa thích, đứa nào muốn ăn cái gì thì cứ ăn. Xong ông trả tiền hết, rồi ông chia tay các cháu. Ông đi tìm chỗ nào kín ông làm một giấc đến sáng.

Cứ như vậy ngày này qua tháng khác, ông xin được tiền là đem đi nuôi các cháu, đó là niềm vui của ông.

Một hôm, ông đi ra đường Tự Do xin tiền. Đây là con đường có nhiều người bán đủ thứ ở hè phố và rất đông người đi mua sắm. Ông vừa tới nơi thấy đông nên ghé lại. Ông định ngả nón ra xin tiền thì thấy có cặp vợ chồng người Liên Xô đi mua đồ. Ông thấy con mụ Liên Xô đứng đang ngắm nghía đồ đạc mặc cái áo để hở cái ngực ra một chút, cặp vú của nó to quá! Thế là ông tiến ngay lại, tự nhiên lấy tay bóp cặp nhũ hoa của bà ta.

Con mụ Liên Xô bị ông làm bất thành linh nó hoảng sợ ứ ớ kêu. Chồng mụ đi cạnh thấy ông đang bóp vú vợ nó, nó sững sờ và nói gì với ông. Mọi người thấy ông rất bình tĩnh trả lời nó bằng tiếng Anh. Sau khi tên Liên Xô nghe ông nói, nó không còn sững sờ nữa mà còn cười và bắt tay ông. Xong xuôi nó kéo vợ đi ngay.

Mọi người chứng kiến cảnh đó đều ngạc nhiên. Thật kỳ lạ là ông già chỉ có nói vài câu thôi mà tên Liên Xô chẳng những không nổi giận vì hành động của ông mà còn bắt tay ông vui vẻ, họ thấy bu lại hỏi ông.

_ Thưa cụ, cụ nói gì mà tên Liên Xô đó nó cười và bắt tay cụ vậy?

Ông trả lời:

— Nó hỏi tôi là mày làm cái gì thế? Tôi mới trả lời là tao thấy cái vú vợ mày bự quá, nên tao sờ và bóp thử xem đàn bà Liên Xô có đủ sữa nuôi dân tao không? Tôi nói có vậy thôi, thế là nó vui vẻ bắt tay tôi và đi luôn.

Mọi người ai cũng thán phục ông già điên mà nói một câu quá chí lý và thâm sâu. Ai cũng kính phục ông, vì họ không ngờ một ông già ăn xin lại giỏi chữ nghĩa thế.

Một hôm khác, ông lang thang ở khu vực chợ trời nơi bán đồ phụ tùng xe máy. Ông thấy đông người đi coi đồ để mua, ông cũng dừng chân lại và ngắm xem hàng hóa. Lúc đó ông trông thấy gian hàng đang treo lủng lẳng cái ghi đông ngoài đường. Ông lấy xuống xem. Ông ngắm đi ngắm lại và thần nhiên cắp vào nách đi luôn.

Ông đi được một đoạn khá xa thì chủ tiệm phát hiện ra ông đã lấy mất cái ghi đông, thế là mụ chủ và chồng con la lối om sòm, kêu người đuổi bắt ông già ăn cắp. Mụ chủ và con cái vừa chạy vừa la, ông biết nhưng ông vẫn thần nhiên đi. Khi ông biết họ đã đến gần, ông bỗng nhiên quay lại và chìa cái ghi đông ra trả lại, tay ông cầm cái ghi đông, miệng thì cười và thần nhiên nói:

— Gớm! Mới mất có một cái ghi đông chả đáng bao nhiêu tiền, thế mà cả nhà, cả họ chạy đuổi theo và la làng la xóm ồm tỏi cả lên. Thế mà nước mắt mấy năm nay rồi không thấy ai la được một tiếng, cứ êm re à!

Nói xong ông thủng thỉnh bước đi, làm cho những kẻ đuổi ông lúc nãy không còn hung hăng nữa, cha con lấm lét nhìn nhau sượng sùng vì câu nói của ông già điên chí lý và thâm sâu quá. Họ im lặng kéo nhau về. Những người ở đó nghe ông nói, họ bảo nhau và tỏ vẻ thán phục ông:

— Đó cứ nói ông là ông già điên, ông điên mà ông nói ra những câu nói đầy thâm thúy đó được à?

Sau đó ít ngày, ông đang ngủ ngon giấc thì bị lũ công an (CA) đến hốt ông mang về phòng giam vì can tội ngủ đường. Thời đó có quá đông người ở vùng kinh tế mới trốn về Sài Gòn, nhà đã bị tịch thu không có chỗ ngủ nên phải ngủ đường quá đông. Vì thế, CA làm chiến dịch hốt người ngủ đường không có hộ khẩu. CA nổ nhét đầy một xe ông già, đàn bà, trẻ con. Họ la lối, khóc lóc, than vãn là đã lấy nhà rồi họ phải ra ngủ đường thì lại bắt họ. Khi về đến phòng, tụi CA lừa tất cả vào một cái phòng chật hẹp chỉ đủ chỗ cho ngồi thôi. Họ thu dọn và ngồi xích lại với nhau để chừa chỗ cho các ông bà già và con nít nằm. Các ông bà già thì khóc tức tưởi, con nít thì khóc sợ hãi. Riêng ông thì cứ làm lì coi thường, vì đối với ông bây giờ ngủ đâu cũng vậy thôi, vỉa hè hay nhà giam chả có gì khác nhau cả. Ông bình thần lấy cái bị ra gói đầu và nằm ngủ yên.

Đến hai giờ sáng thì mọi người đã mệt không còn ai có sức mà khóc nữa. Con nít đã ngủ yên. Trong phòng giam lúc đó thật yên lặng, lúc đó đến lượt ông phá. Ông tỉnh ngủ và ra đứng trước cửa song sắt. Hai tay ông nắm chần song, miệng ông bắt đầu cứ thế la to làm không ai ngủ được vì ông la rất lớn.

— Oï! Bác Hồ ơi là Bác Hồ ơi! Bác có khôn thiêng thì về đây mà coi này. Ngày xưa lúc Bác còn trẻ, Bác cũng túng quần không nhà, Bác đi lang thang, Bác cũng ngủ đường, ngủ chợ như tôi mà có ai bắt Bác đâu. Sau Bác thành công Bác về, con cháu Bác luôn mồm ca tụng Bác đã hy sinh thân mình chịu đói chịu khổ để ra đi tìm đường cứu nước, họ hoan hô ca ngợi Bác. Bây

giờ tôi cũng đói khổ, đi ngủ đường như bác ngày trước thì lại bị chính các con cháu Bác đã hoan hô Bác, họ lại bắt tôi và giam như thế này đây này. Ơi! Bác Hồ ơi là Bác Hồ ơi! Bác về mà coi con cháu Bác hành hạ giam cầm tôi đây này.

Ông la mỗi lúc càng lớn làm cho cả tụi CA phường nó không ngủ được và nó lại còn e ngại dân cũng nghe nên kéo nhau xuống lấy súng ra dọa ông, bắt ông im lặng. Nhưng ông đâu chịu im, ông cũng không sợ súng, ông lại càng la to hơn, tụi nó phải thua ông và chạy đi tìm CA trưởng phường xuống giải quyết. Tên CA trưởng xuống, mở khóa, lễ phép mời ông ra và năn nỉ cụ ra về cho, để cho im lặng và khỏi mất mặt với dân. Thế là ông thủng thỉnh ra về, vừa đi vừa cười.

Quen lệ cứ tối đến là ông tìm vào nhà hàng lớn vì nhà hàng lớn có nhiều khách sang họ ăn dư thừa nhiều thì ông có dư đồ ăn. Hôm đó, ông đang đứng chờ ở một bàn có bốn người ăn mặc sang trọng và ăn toàn đồ ăn sang ê hề. Ông nhẫn nại chờ để xin đồ dư. Ông đang chăm chú nhìn vào bàn ăn có nhiều đồ ăn sang, ông đang mừng vì hôm nay lại được ăn ngon rồi thì bỗng nghe bàn phía sau ông có tiếng phụ nữ nói chuyện với người đàn ông cùng bàn. Ông nghe hể người phụ nữ này mở miệng ra nói là cứ "Kính thưa đại ca đại thi sĩ". Cái chữ đại thi sĩ làm ông tò mò và lắng tai nghe. Tại sao lại có đại thi sĩ nào vậy. Ông khẽ liếc về sau xem ai thì thấy người phụ nữ đang nói chuyện là người miền Nam, ăn mặc sang trọng, phần son lòe loẹt. Còn người đàn ông đang ngồi đối diện mà cô ta đang ra sức ca tụng là đại thi sĩ kia là người gầy còm hốc hác, chứng tỏ là kẻ thiếu ăn lâu ngày, quần áo thì rộng thùng thình bằng vải kaki Nam Định đã cũ, chân đi dép râu, và ngay cạnh bàn chỗ hắn ngồi lù lù một cái nón cối. Ông hiểu đó là một tên cán bộ văn nghệ miền Bắc mới vô có danh xưng là Thu Bồn. Ông nhìn người phụ nữ thấy quen quen, hình như đã gặp ở đâu vài lần rồi thì phải. Một lúc sau, ông chợt nhớ ra là cô này có vài lần đến Hội Văn Nghệ để tặng giai phẩm trong đó có in thơ của cô ta. Ông nhớ có một lần cô ta ăn mặc rất sang trọng đi xe xích lô tới, tay ôm cả một xấp giai phẩm mùa hè. Trong tờ giai phẩm ấy có in một bài thơ của cô ta làm ngay trang đầu có vẽ hoa lá cảnh chung quanh, ở dưới đề nữ sĩ Thu Ba.

Cô ta vào với thái độ rất nhũn nhặn, niềm nở. Cô chào mọi người xong rồi đưa báo tặng, cô cũng không quên viết tặng từ anh gác đàn đến các văn nghệ sĩ, cô không bỏ sót một ai. Sau khi tặng báo xong cô ra về thì trong phòng bỗng xôn xao vì có một anh văn nghệ sĩ lớn tiếng nói đùa chơi:

_ Này các anh em, có nhìn kỹ nữ sĩ Thu Ba không? Nữ sĩ tuy xuân xanh ngoài tứ thập thôi mà còn gịn đấy, vẫn phòng không lỗ bóng, chưa tìm được người nào xứng đáng để nâng khăn sửa túi đó. Anh nào góa vợ hay vợ nó bỏ vì làm văn nghệ không nuôi nổi vợ, mà muốn được cung bần vô thì khao tở một châu cà phê, tở mách đường cho. – Anh ta còn nói thêm - Bán được con se se này là chuột sa hủ nếp khỏi phải còng lưng viết lách gì cả.

Thế là cả phòng cười vang lên.

Anh nói tiếp:

_ Vì tở ở gần nhà nữ sĩ nên biết rất rõ, nàng là con gái cưng của một nhà xuất nhập cảng giàu có. Nàng là con nhà giàu và lại thích văn thơ nên rất là kén, vì vậy bây giờ vẫn ở không đó_ Thấy mọi người chú ý câu chuyện của mình nên khoái chí nói tiếp _ Ấy, nàng rất yêu văn nghệ thi ca, mà nàng còn làm nhiều thơ nữa. Nhưng ác một nỗi là nàng đã gửi thơ nàng đi khắp các báo ở thủ đô mà không có tờ nào đăng cho nàng bài nào cả. Nàng chờ đợi, khao khát bao nhiêu năm có thơ đăng báo để được mang danh nữ sĩ dù là có tên trên một tờ báo lá cải cũng được. Và sau đó, có mấy anh nhà báo nghèo đứng ra xuất bản tờ giai phẩm mùa hè Mưa Thu,

chủ đích xin quảng cáo để sống. Hôm ấy, nàng đang ở tại hăng thấy một anh đem mẫu tờ giai phẩm lại xin quảng cáo hăng của cha mẹ. Thế là nàng mừng, nói với anh nhà báo là nếu tập giai phẩm mà chịu đăng thơ cho nàng ở đầu thì nàng sẽ cho quảng cáo lớn. Khi in xong nàng hứa mua cho một số lớn để đi tặng bạn bè. Mấy anh nhà báo lá cải này đâu có cần thơ hay hoặc dỡ thấy nàng hứa cho tiền là nhận ngay và hứa là sẽ đăng trang trọng nữa. Và giữ đúng lời hứa, giai phẩm ra là nàng mua cho mấy trăm số để mang đi tặng mọi người cho biết danh. Bây giờ thì anh nào muốn được người đẹp để ý lọt vào mắt xanh thì chỉ việc làm một vài bài thơ ca ngợi nữ sĩ trên báo và chịu khó đi năn nỉ mấy ông chủ báo thương tình đăng thơ lên báo là xong thôi.

Nghe anh ta mách nước thế là cả phòng lại có dịp cười vang và xôn xao rất vui. Nghe cô nàng luôn luôn xưng tụng tên cán bộ là đại thi sĩ và cô nàng còn ba hoa lên án văn nghệ miền nam, nên ông lẳng lẳng tai nghe. Cô nàng nói:

— Anh Thu Bồn à, sau cách mạng mùa thu thì anh đi theo cách mạng, còn em thì theo gia đình đi cư vào Nam, em không còn biết gì về anh nữa. Lắm khi nhớ anh, em cứ nghĩ là không biết giờ này anh ở đâu và ra sao. Anh còn sống không hay đã hy sinh cho Tổ Quốc và cách mạng rồi. Sau ngày Miền Nam được giải phóng em có đọc trên báo thấy họ đăng thơ anh dưới ký tên Thu Bồn, em mừng. Em đến tòa báo hỏi tin anh, họ cho biết anh bây giờ là một đại thi sĩ Miền Bắc rồi. Thơ anh làm chỉ đứng sau nhà thơ lão thành Tố Hữu thôi. Họ nói muốn liên lạc với anh thì cứ viết thư ra Hội Văn Nghệ Hà Nội đề Đại Thi Sĩ Thu Bồn là tới. Em đang định viết thư cho anh thì anh lại vào đây và tìm đến thăm em.

Khi thấy anh, em thật là thương anh vì anh gầy yếu và già đi nhiều. Em rất thương anh cả một đời hy sinh cho cách mạng sống thiếu thốn nên em mới mời anh đi ăn tối nay để bồi dưỡng cho anh. Anh cứ tự nhiên ăn uống cho thỏa thích để bù đắp lại bao năm gian nan, cơ cực. Tiếp theo cô ta còn say sưa ba hoa và hết lời ca ngợi tên này rồi còn mặt sát nền văn nghệ miền Nam:

— Anh Thu Bồn à, em không những bái phục anh về thơ, mà em còn sung sướng được đọc các bài anh viết phê bình và giáo dục hướng dẫn cho anh em văn nghệ sĩ miền Nam đi đúng hướng của văn học xã hội chủ nghĩa nữa. Đọc các bài viết của anh em mới tỉnh ngộ và đôi khi thấy xấu hổ cho giới văn nghệ Miền Nam mà trong đó có em, bao nhiêu năm u mê vì bị Mỹ Ngụy nó đầu độc và bịt mắt không nhìn thấy đường đi sai lầm của mình. Em càng đọc càng suy gẫm những lời chỉ bảo của anh mà khâm phục, Anh nói thật chí lý là theo lời Bác dạy là làm văn nghệ thì đường hướng chính là phải phục vụ cho nhân dân và quần chúng. Nếu không phục vụ được cho nhân dân thì là sai và không xứng đáng.

Em suy nghĩ và nhìn lại thì ra nền văn nghệ Miền Nam trước đây không đi đúng với lời Bác dạy mà chỉ phục vụ cho một thiểu số đầu óc tư sản và đòi trụ thôi. Các bài thơ họ làm chỉ toàn là thương vay khóc mướn, thở than về tình yêu, như vậy họ có phục vụ cho ai đâu và làm ủy mị con người đi. Đôi lúc em đọc những bài thơ, em thấy họ chỉ thích dùng những chữ và từ ngữ sáo rỗng để khoe mình là có học thôi. Đến như em, biết làm thơ mà đọc thơ của họ em không hiểu nổi họ nói gì hướng hồ nhân dân làm sao hiểu được. Em thí dụ cho anh thấy là ở miền Nam đã đề ra nhiều quái thai về thơ, họ làm không luật lệ, không vần điệu lung ca lung củng, câu thì hai chữ, câu thì ba chữ, và câu thì dài thông ra, mà họ ra sức ca ngợi gọi đó là sáng tạo là trường phái Tự Do nữa. Đứng đầu phái này có tên Thanh Tâm Tuyền. Thơ gì lạ quá thế mà cũng gọi là thơ được như:

Một cái cửa sổ
Hai cái cửa sổ
Ba cái cửa sổ

Còn tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ...

Cô ta ba hoa chích choè:

— Anh nghe xem có chịu được không? Nếu làm thơ như vậy mà khen hay, khen tài thì em chỉ ngồi một lúc là làm cả trăm bài, vì cứ đem cửa sổ ra mà tính thì dễ ợt à. Em cho đó là một quái thai và còn nực cười hơn nữa, là có tên Bùi Giáng mà họ ra sức ca ngợi là vua thơ lục bát mới lạ chứ. Có hôm em đọc được hai câu hán ta làm thì em cười quá. Làm có một câu lục bát mà không xong, không biết gieo vần. Đọc lên nghe nó ngộ quá! Em đọc cho anh nghe nhé:

"Sông sâu sóng vỗ dập dồn.
Có cô thôn nữ ngựa bưng ra bơi".

Chả có vần gì mà họ cứ tâng bốc là vua thơ lục bát đó, anh nghe thấy có ngán không?

Cái tên này em mới nghe là hán bị điên, điên vì cuồng chữ đấy, tội nghiệp cho lão ta.

Bùi Giáng thấy cô nàng đã mặt sát văn nghệ Miền Nam rồi lại còn lòi cả ông ra sĩ và thì ông không còn chịu được nữa. Ông quay lại, rồi từ từ tiến tới trước bàn hai người. Ông lễ phép ngả nón ra chấp tay lại xá dài và nói:

— Tôi thật lấy làm vinh hạnh bất ngờ được nghe hai vị nói chuyện. Hoá ra hai vị là hai nhà thơ lỗi lạc. Thật là vinh dự cho tôi may mắn được gặp hai vị. Một nhà đại thi sĩ là đèn trời soi sáng và là một cây cổ thụ của nền thi ca Việt Nam. Còn nữ sĩ là ngôi sao mai rực sáng của Miền Nam mà tôi không biết, thật là đắc tội. Vừa rồi tôi có nghe lỏm được nữ sĩ Thu Ba phê bình văn nghệ Miền Nam. Nữ sĩ lại phê bình cả thơ nữa, mà trong đó nữ sĩ có nhắc đến tên tôi. Tôi xin được hân hạnh giới thiệu tôi là Bùi Giáng đây.

Thu Ba nhìn ông sừng sốt và có ý hơi thẹn vì vừa rồi trót sĩ và ông là làm thơ sai luật. Nữ sĩ cũng lịch sự đứng dậy cúi đầu chào lại. Ông nói:

— Thật hân hạnh được biết nhị vị. Tôi không có gì để làm quà tặng nhị vị vì tôi là tên ăn mày. Tôi chợt nghĩ ra được hai câu thơ để làm quà tặng nhị vị. Tôi cảm ơn nữ sĩ Thu Ba vừa rồi có chê tôi là làm thơ lục bát không đúng vần điệu. Sau khi hứng khởi làm hai câu thơ mới, tôi nhắm đọc thấy quả thật chưa được đúng vần điệu. Tôi nghĩ mãi không biết làm sao cho nó có vần, nhị vị thấy sai thì xin thương tình sửa lại giúp. Vì lâu nay tôi bị mắc bệnh thần kinh đầu óc không được sáng suốt nữa.

Ông nói xong, lấy tờ giấy học trò trong bị ra viết hai câu thơ chữ lớn. Viết xong ông còn ngâm vang lên:

Thu Ba ca ngợi Thu Bồn
Thu Bồn khoái chí sờ vai Thu Ba.

Tất cả thực khách nghe ông ngâm thơ nên chú ý nghe và khi ông ngâm xong tất cả thực khách cười ồ lên. Ông cũng cười to, rồi ông chấp tay xá và đi luôn.

Thu Bồn thấy vậy liền tỏ vẻ giận dữ và bảo:

— Đúng là tên điên. Thơ với phú, làm có câu lục bát không xong mà cũng đòi là thi sĩ. Thu Bồn nói với Thu Ba: Aáy, giận thì nói thế thôi, chứ cũng tội nghiệp cho hán. Dù sao thì hán cũng biết phận và biết kính phục anh em mình, nó xin sửa giúp, vậy em xem thế nào để giúp nó.

Thu Ba cầm tờ giấy do Thu Bồn đưa thì nàng mặt đỏ lên. Cô nàng lạnh ý bán cái lại cho Thu

Bồn:

_ Trời ơi! Đại ca là đại thi sĩ sao không sửa cho hần mà lại đẩy cho em. Em là em út mà đâu dám qua mặt anh sửa đi.

Bị Thu Ba bán cái lại, Thu Bồn vội cầm tờ giấy đó đút vào túi rồi bảo với Thu Ba:

_ Thôi để đó, về nhà có thì giờ anh sửa cho, còn bây giờ anh em mình ăn đã kéo thức ăn nguội cả. Nói xong là hần cầm cúi ăn như tên chết đói lâu ngày.

Hơn một tháng công tác ở miền Nam, Thu Bồn trở về Bắc và đến Tố Hữu để báo cáo. Tố Hữu nghe Thu Bồn báo cáo xong thì khen:

_ Tôi thành thật ca ngợi và khen chú đã hoàn thành công tác do Đảng giao phó cho. Bây giờ chú kể cho tôi nghe xem một tháng ở miền Nam có gì vui không?

Thu Bồn mới kể là gặp lại cô em nuôi ở miền Nam cũng là thi sĩ và được cô em chiêu đãi ăn nhà hàng ra sao. Thu Bồn cũng không quên kể lại câu chuyện gặp Bùi Giáng và được Bùi Giáng tặng thơ:

_ Em đang ngồi ăn thì gặp một tên ăn xin, nó xưng là thi sĩ Bùi Giáng. Nó kính sợ tụi em lắm và làm hai câu thơ tặng tụi em. Em nghe nó ngâm mà buồn cười vì nó làm có câu hai lục bát thôi mà cũng không xong. Nhưng em thương là nó biết điều và kính sợ em nên có ngỏ lời là xin sửa giùm nếu thấy sai, nghe nói nó bị điên nữa.

Nói xong Thu Bồn lục túi lấy bài thơ đưa cho Tố Hữu xem và nói:

_ Đại ca xem có thì giờ sửa giùm nó, vì em quá bận.

Tố Hữu đón lấy hai câu thơ. Sau khi đọc xong thì Tố Hữu cau mày lại và nói với Thu Bồn:

_ Này chú ạ, chú nói tên này nó điên khùng, mà tôi đọc qua hai câu thơ này của nó thì tôi có cảm nghĩ là nó không có điên, nó còn là một tên văn nghệ cực kỳ phản động nữa là khác. Nó làm hai câu thơ này rất thâm thúy. Nó lại cố ý nài nỉ xin chú sửa là nó muốn thử sức, thử tài chúng ta đó. Thơ nó rất là khó mà sửa nổi, ngay tôi cũng xin chịu thua thôi. Tiếc rằng Bác Hồ mất rồi, chứ nếu Bác còn sống thì cả 100 câu khó hơn thế này thì chỉ một tích tắc là Bác sửa xong ngay.

Kể ra, sống được dưới chế độ cộng sản thì điên được như ông cũng nên điên lắm chứ, và không biết ông điên còn mình tỉnh, hay là ông tỉnh hơn cả mình.

Giai thoại Nương tử Kim Cương



Kỳ nữ Kim Cương chiếm một vị trí đặc biệt trong cuộc đời, trong tâm hồn và trong sáng tác của Bùi Giáng. Trong tâm hồn ông, Kim Cương là "đệ nhất mỹ nhân" trong thiên hạ. Ông yêu Kim Cương bằng một tình yêu lạ lùng nhất thế gian. Chỉ có thể nói đó là một tình yêu bất tử. Đã có rất nhiều giai thoại xung quanh mỗi tình kỳ bí này.

Đối với Kim Cương, tuy là mối tình đơn phương từ phía Bùi Giáng, nhưng nữ nghệ sĩ đã rất trân trọng tình yêu của ông, một sự trân trọng vô cùng cảm động và hiếm thấy. Nhiều năm qua,

nghệ sĩ Kim Cương có những lý do riêng nên đã không lên tiếng một cách chính thức. Lần đầu tiên, bà tiết lộ với Báo Thanh Niên một số sự thật về thiên tình sử này, vì đã đến lúc bà không còn lý do để tiếp tục im lặng... Chúng tôi tạm gác những phần cuối của loạt bài Bùi Giáng - thi sĩ kỳ dị để giới thiệu riêng cùng bạn đọc những tiết lộ của Kim Cương. Chúng tôi xin tỏ lòng biết ơn nghệ sĩ Kim Cương. Những tiết lộ này sẽ giúp cho công chúng hiểu rõ hơn con người và sự nghiệp của một thi sĩ độc đáo vào bậc nhất của đất nước.

Có lẽ trong cuộc đời của thi sĩ Bùi Giáng, ngoài chuyện văn chương ra thì chuyện tình đơn phương của ông với NSUT Kim Cương là nổi bật nhất, kỳ lạ nhất, và cũng cảm động nhất. Kim Cương còn giữ rất nhiều bài thơ của ông viết tặng riêng bà, cả hình ảnh nữa, nhưng từ lâu bà từ chối mọi lời yêu cầu của các tờ báo, nhà xuất bản xin được phát hành, đặc biệt sau khi Bùi Giáng vừa qua đời nhiều đơn vị còn đặt vấn đề "mua" những tấm ảnh, tập thơ đó. Bà nói: "Tôi không muốn đem tình cảm của Bùi Giáng ra đánh bóng tên tuổi của mình hoặc làm gì đó có dấu ấn kinh doanh. Dù tôi không yêu ông, nhưng tôi trân trọng tình yêu của ông. Tuy nhiên, bây giờ sau loạt bài của Báo Thanh Niên, tôi thấy đây không còn là chuyện riêng tư nữa, mà Bùi Giáng là một sự kiện văn học chung của đất nước, cần có thêm nhiều thông tin về ông. Và vì không lên tiếng nên có những thù dật không đẹp cho Bùi Giáng, vì vậy tôi chỉ muốn nói rõ một vài sự thật để người ta hiểu đúng ông hơn".

Kim Cương biết Bùi Giáng lúc bà khoảng 19 tuổi, còn theo đoàn cải lương của má Bảy Nam nhưng đã được mệnh danh là "kỳ nữ". Thật ra, ông chú ý đến bà trong một đám cưới của đôi bạn Hạnh - Thùy. Sau đám cưới, một hôm Thùy bảo Kim Cương: "Có một ông giáo sư Đại học Văn khoa, đi học ở Đức về, ái mộ chị lắm, muốn đến nhà thăm chị". Kim Cương trả lời: "Ừ, thì mời ông tới". Hóa ra là Bùi Giáng, lúc ấy đang dạy học, cũng áo quần tươm tất chứ chưa có "điên điên" như sau này. Bùi Giáng lui tới, mời Kim Cương lên xe đạp ông chở đi chơi, rồi cả cầu hôn, nhưng bà đều né tránh. Bởi sau vài lần tiếp xúc, bà thấy ở ông toát lên cái gì đó "kỳ kỳ", bất bình thường, nên bà sợ. Đeo đuổi mãi không được, Bùi Giáng thờ dài nói: "Thôi, chắc cô không ưng tôi vì tôi lớn tuổi hơn cô (Bùi Giáng lớn hơn Kim Cương mười mấy tuổi), vậy cô hứa với tôi là sẽ ưng thằng cháu của tôi nhé. Nó trẻ, lại đẹp trai, học giỏi". Kim Cương ngần



Kỳ nữ Kim Cương và thi sĩ Bùi Giáng. Ảnh tư liệu.

ngờ: "Thưa anh, chuyện tình cảm đâu có nói trước được. Tôi không dám hứa hẹn gì đâu, để chừng nào gặp nhau hẵng tính...". Ý bà muốn hoãn binh. Nhưng Bùi Giáng đã đùng đùng dất cháu tới. Trời ơi, hóa ra đó là thằng nhỏ mới... 8 tuổi. Kim Cương hết hồn, thôi rồi ông đúng là không bình thường!

Từ đó, mỗi năm Bùi Giáng mỗi bệnh nặng hơn. Ông không có vợ con, suốt ngày đi lang thang ngoài đường, hò hét, rồi cứ địa chỉ nhà Kim Cương mà tới. Thằng bé Toro con của Kim Cương lúc ấy khoảng 5 tuổi, thường trở mắt ra nhìn ông, và hỏi: "Mẹ ơi, sao bác này giống cái xe hoa quá?". Tư duy trẻ con thật ngộ nghĩnh, nhưng lại rất chính xác. Thì trên người Bùi Giáng có đủ thứ: nào hộp lon treo lưng lửng, nào lá cờ giắt sau lưng, nào nhánh cây, vòng hoa trên đầu... cả một nải chuối đeo thường xuyên trên cổ. Không mở cửa cho ông vào là ông la hét, đập cửa, chửi um sùm, ném đá nữa, khiến hàng xóm náo động. Nhưng riết rồi quen, mỗi lần ông tới nhà Kim Cương ai nấy đều cười. Má Bảy Nam ở trên lầu chỉ cần nghe la rùm beng, đập cửa ầm ầm, là hỏi: "Bùi Giáng

phải không?". Nhiều lần ông say khướt, nằm ịch xuống gốc cây trước nhà Kim Cương, mọi người phải khiêng vào. Bà lắc đầu: "Sợ ông chết. Tướng tá vậy có thể chết bất cứ lúc nào. Nhưng khiêng vô rồi cũng sợ rủi ông chết trong nhà mình. Mà điều, không nỡ bỏ ông lăn lóc ngoài đường, thấy tội quá".

Nhưng điều hay nhất là mỗi khi vô nhà Kim Cương ông lại sáng tác thơ để tặng bà. Tiện tay xé bất cứ tờ giấy, tờ lịch nào là ông viết ào vô đó. Nguồn thơ yêu cứ tuôn trào như suối, không vơi cạn theo năm tháng. Về sau, khi ông "quậy" quá thì Kim Cương nghĩ ra cách, không mở cửa, mà lòn một cuốn sổ ra khe cửa cho ông viết thơ. Ông hí hoáy một hồi, rồi vui vẻ bước đi. Suốt 40 năm, cả chục cuốn sổ tay đã đầy ấp chữ của ông, chỉ riêng tặng "nương tử Kim Cương". Bà trân trọng gìn giữ trong ngăn tủ. Những vần thơ yêu với nét chữ ngả nghiêng chệch choạng nhưng hồn nhiên say đắm lạ kỳ.

*- Kính thưa nương tử Kim Cương
Tấm lòng rộng mở phi thường bấy nay
Ngàn năm điều đứng đọa đây
Thiên thu sử lịch cau mày về sau
Thưa em đòi mộng dạt dào
Tình yêu vô tận yêu đào vô biên*

*- Kể từ tao ngộ đầu tiên
Kim Cương vô tận, thuyền quyên vô cùng
Bốn mươi năm đã lấy lòng
Âm thầm tưởng niệm lạ lùng giai nhân
Trái tim thiết thạch vô ngần
Từ tam thu tới tứ phân hôm nay
Kể từ sử lịch xa xuôi
Bất ngờ một bận bụi ngùi yêu em*

Phải nói là Kim Cương có "quyền lực" rất lớn đối với Bùi Giáng. Cứ nghe tên bà là ông trở lại ngoan ngoãn như một đứa trẻ con. Một lần, ông làm "chim bay cò bay" giữa phố, gây ách tắc giao thông, công an tới lôi ông vào cũng không được.

Tình cờ có ông bạn Đoàn Thạch Hãn trông thấy, thế là anh ta rủ tai ông: "Kim Cương nhắn ông tới nhà kia!". Lập tức ông riu riu đi theo Đoàn Thạch Hãn.

Ông còn "ái mộ" bà theo kiểu "kinh khủng" của ông. Người ta ái mộ thì xin chữ ký, xin hình, còn ông thì xin... quần. Ông tới nhà nằng nặc đòi bà cho ông cái quần. Bà lấy quần của cậu Toro nay đã lớn cỡ ông mặc vừa. Ông giãy nảy không chịu, đòi cái quần của Kim Cương mới được. Bà bực quá, đưa thiết. Lập tức ông mặc vô và rồi không chịu thay ra. Tắm xong, mặc lại. Tỉnh bơ. Và sau này khi ông ở nhờ nhà anh Hoài - cháu gọi ông bằng bác họ - tại Gò Vấp, thì cũng chỉ Kim Cương là người phụ nữ duy nhất được ông cho phép bước vào nhà. Nhiều lần, các bạn thơ nữ có ghé thăm ông, nhưng vừa mới nghe cháu vô báo tin là ông đã la hét om sòm, đuổi họ như đuổi tà: "Chỉ có tiên nữ Kim Cương mới được bước tới đây. Đi ra! Đi ra hết!".

Nghệ sĩ Kim Cương nói: "Tôi rất trân trọng tài năng của ông, nhưng phải nói thật là ông điên nặng, nhưng là cái điên trí tuệ, nói ra nhiều câu cực kỳ sâu sắc". Tỉnh thoảng, khi ông hơi tỉnh thì Kim Cương cũng ngồi bàn chuyện thơ văn với ông cho ông vui. Những lúc ấy, ông gọi bà bằng "cô" đàng hoàng chứ không "nương tử", không "Hàng Nga" gì hết. Nhưng có một lần, ông làm bà hết hồn. Hai người bàn luận đến Kiều, bà đọc mấy câu lỡ có sai một chút, ông liền đập bàn, la hét, nhảy dựng lên: "Tại sao Kiều mà cô nói sai như vậy? Câu vậy mà cô nói là của Kiều hả?". Thấy ông trợn mắt giận dữ, bà cứ ngỡ ông sắp bóp cổ mình tới nơi. Bà quên mất rằng ông cũng yêu Kiều say đắm như yêu bà.

Có một chuyện nhỏ, nhưng cảm động. Kim Cương nói rằng Bùi Giáng có đóng phim gì nữa đó, chắc đóng vai phụ nhỏ nhỏ thôi. Kim Cương nhớ khi ông lãnh tiền thù lao, liền mua hai trái xoài đem tới cho bà. Rất dễ thương.

Kim Cương bùi ngùi nhớ lại: "Suốt 40 năm, ông đối với tôi như một người yêu đơn phương, thì ngược lại, tôi đối với ông như chỗ dựa tinh thần, bất cứ lúc nào nghe ông đau ốm hay bị công an bắt, bị người ta đánh là tôi có mặt". Bởi đơn giản, trong đầu Bùi Giáng chỉ có một số điện thoại duy nhất, một địa chỉ duy nhất, đó là địa chỉ và số điện thoại của Kim Cương. Nhiều lần ông đứng giữa đường dang tay la hét, làm kẹt xe, công an tới bắt, hỏi cách gì ông cũng chỉ nói một câu: "Thân mẫu tôi là Kim Cương, ở số... Hoàng Diệu, điện thoại 844...". Thế là công an réo gọi Kim Cương. Bà đi lãnh ông ra. Chuyện đó xảy ra không biết bao nhiêu lần. Có khi ông bị té, bị thương, người ta chở vô bệnh viện, ông cũng chỉ "khai báo" y như vậy. Bệnh viện lại réo bà. Bà lại đến. Hoặc những lúc ông lên cơn, có khi vô quậy cả đám cưới nhà người ta, bị người ta đánh, bà lại đến đưa ông về. Có lần, ông xuất hiện trước nhà bà với tóc tai mặt mũi đầy máu vì mới bị ai đó đánh, bà hoảng hốt gọi xích lô cho ông đi cấp cứu. Ông không chịu: "Chùng nào cô đi với tôi thì tôi mới đi". Ừ, thì đi. Kim Cương gọi chiếc xích lô chở ông, vừa ngồi xe ông vừa nói vung vít, mặc cho Kim Cương chịu trận. Và như thường lệ, trong cơn điên điên tỉnh tỉnh, ông lại tiếp tục làm thơ yêu qua cuốn sổ nhỏ nhét vào khe cửa nhà bà:

*- Yêu nhau từ bấy tới nay
Xiết bao tâm sự từ ngày qua đêm
Thưa em nương tử dịu mềm
Bốn mươi năm lê êm đềm vô biên*

*- Đầu tiên tiên nữ Kim Cương
Cuối cùng muôn một phi thường Cương Kim
Cúi đầu bái tạ tình em
Về sau vĩnh viễn êm đềm thương nhau*

*- Làm thơ tiếp tục yêu em
Ồ Kim Cương ạ êm đềm vô song
Kể từ lịch kiếp long đong
Anh điếu tàn tới thong dong bây giờ*

Bùi Giáng về ở nhà của anh Hoài vào khoảng năm 1978, thì đến khoảng 1992 đã hơi tỉnh tỉnh. Nhà thơ Trụ Vũ thường ghé chơi với ông. Một lần Trụ Vũ bảo: "Kim Cương hẹn ngày mai lên thăm anh". Thế là suốt đêm ông không ngủ. Sáng dậy, ông đi tới đi lui, đứng ngồi không yên, và cầu nhàu: "Cái thằng Trụ Vũ, chùng nào lên thì lên, nhẩn nhe làm chi cho người ta sốt ruột".

Anh Hoài còn tiết lộ ông phải giả vờ uống một tí rượu để đóng vai "say", như thế khi Kim Cương lên thăm ông mới có cớ đi ngã nghiêng cho Kim Cương dìu đỡ. Nhưng có lần uống mãi, uống mãi, rồi say thật lúc nào chả biết, khi Kim Cương đến nơi thì ông đã... ngủ khò.

Một bữa, Kim Cương đến nhà, tặng ông đóa hoa hồng. Ông sung sướng quá. Kim Cương về rồi, ông hỏi anh Hoài: "Làm sao giữ được hoa tươi mãi hè?". "Ba ngày là nó héo thôi bác ơi!". "Trời ơi, của Kim Cương tặng tao, phải giữ hoài chớ bây!". "Con có cách. Đem hoa trút ngược xuống thì sẽ giữ giùm bác được vài tháng". Đúng là giữ được vài tháng, đến khi hoa đã khô nát ông mới đành lòng chia tay.

Gần 60 tuổi, ông tới nhà bà với đôi mắt nheo nheo không nhìn thấy rõ. Bà dắt ông đi mua cặp kính lão. Nhưng chỉ một tháng sau, ông xuất hiện với một bên tròng kính bị bể vì người ta đánh. Bà dỗ ngọt: "Tôi mua cho anh kính mới nhen". Ông lắc đầu: "Thôi cô, nhìn đời bằng một con mắt đủ rồi". Bốn, năm năm cuối đời, ông gần như tỉnh hẳn, và cứ sáng mùng 1 Tết là ông xông đất nhà Kim Cương. Riết rồi biết ý, đêm giao thừa Kim Cương tự xông đất trước cho mình, để tăng sáng mở cửa đón ông vào. Ông vô nhà, ngồi bệt xuống nền, không bao giờ chịu ngồi trên ghế. Rồi ông lì xì cho Kim Cương, khi 5.000đ, khi 10.000đ. Bà xé dưa hấu đãi ông ăn. Ông hơn hờ trong sự nâng niu của bà.

Kể ra, đâu chỉ có Bùi Giáng kiên nhẫn và thủy chung với kỳ nữ Kim Cương, mà chính Kim Cương cũng đã đáp lại mỗi tình đơn phương của Bùi Giáng một cách chân thành và kiên nhẫn, thủy chung suốt 40 năm, gần giống một người chị, một người mẹ. Cho nên, có người nói với bà: "Chắc kiếp trước Bùi Giáng mắc nợ bà!". Bà đáp vui trở lại: "Hồng biết ông mắc nợ tui hay tui mắc nợ ông!". Những lúc tỉnh táo, ông nói: "Cô nhen hậu lắm cô mới chịu nói chuyện với tôi tới giờ này!". Nhân đó bạn bè hỏi: "Kim Cương có cái gì mà anh thương dữ vậy?". Ông đáp: "Lúc tôi gặp cô trong đám cưới của Hạnh - Thủy, cô mặc cái áo dài lụa trắng, tôi thấy hào quang tỏa tỏa ra, tới bây giờ vẫn còn tỏa".

15 ngày trước khi chết, Bùi Giáng đến nhà Kim Cương để lại mấy câu thơ như chia ly:

*- Thương yêu có lẽ như là
Nghỉ ngơi nhau mãi vẫn là Kim Cương*

*- Ông đi đau xiết vui buồn
Một mình ở lại muôn trùng em yêu*

Rồi ông té, chấn thương sọ não, chở vào Bệnh viện Chợ Rẫy. Người đầu tiên gia đình gọi đến là Kim Cương. Kim Cương nói: "Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng sạch sẽ. Đầu cạo sạch, không còn mớ tóc bù xù nữa. Và quần áo bệnh viện thì trắng bong. Cho nên tôi nhìn ông không ra, cứ chạy đôn chạy đáo khắp các phòng tìm ông". Nhưng đưa cháu xin bà cho ý kiến. Bà đồng ý để bác sĩ phẫu thuật cho ông dù chỉ còn 1% hy vọng.

Nhưng rồi Bùi Giáng đã ra đi. Trước mộ ông trước giờ hạ huyệt, Kim Cương nhẹ nhàng thủ thi: "Thưa Bùi Giáng! Đời ông là một đời giang hồ, nhưng mọi người vẫn mến thương ông, chắc ông cũng mãn nguyện rồi. Riêng tôi có 3 điều cảm ơn ông. Thứ nhất, ông đã để lại một sự nghiệp thơ cho đời. Thứ hai, cảm ơn mỗi tình 40 năm ông dành tặng tôi, tới giờ tôi có thể nói đó là mối tình lớn, ông là người yêu tôi chung thủy nhất, lâu dài nhất. Thứ ba, cảm ơn vì ông đã cho tôi một bài học, rằng dù diên hay tỉnh, giàu hay nghèo, già hay trẻ, trong lòng mỗi người cũng phải có một mối tình để sống".

Nhưng chắc gì Bùi Giáng đã chịu xa lìa Kim Cương. Ông còn một lời nhắn nhủ viết trong cuốn sổ tay tại nhà Kim Cương: Kiếp sau gặp lại nhau, anh Bùi Giáng chỉ mong được Kim Cương chấp thuận cho phép anh Bùi được làm đầy tớ trung thành tuyệt đối của Kim Cương. Và:

*Vô ngân tao ngộ đầu tiên
Em bao giờ biết anh phiền ưu sao
Yêu em từ những kiếp nào
Về sau cũng niệm nguyên màu ban sơ.*

Kính dâng Kim Cương nương tử

Anh không biết em từ đâu em tới
Mà thoát tiên anh rõ chính em là
Nghìn nghìn một thờ ra em nổi dậy
Rất lầy lừng như vạn đại tiên nga
Em sẽ rõ về sau em sẽ thấy
Em ngó nhìn và em sẽ nghe ra
Giòng suối mộng từ đầu tròng mây hazy
Tuôn trào từ trái đất tự tâm ta
Em có thể (có lẽ) gặp anh một giây phút
Em lầy lừng ồ! tuyệt đối Kim Cương
Anh sẽ nói cùng em một đôi chút
Rằng em là gái Việt thật phi thường
Thương em khắp phố khắp phường
Nơi nào chẳng thấy Một Nàng Cương Kim

Tình sử Bùi Giáng - Kim Cương



Phải nói là Kim Cương có "quyền lực" rất lớn đối với Bùi Giáng. Cứ nghe tên bà là ông trở lại ngoan ngoãn như một đứa trẻ con. Một lần, ông làm "chim bay cò bay" giữa phố, gây ách tắc giao thông, công an tới lôi ông vào cũng không được.

Tình cờ có ông bạn Đoàn Thạch Hãn trông thấy, thế là anh ta rỉ tai ông: "Kim Cương nhắn ông tới nhà kia!". Lập tức ông riu riu đi theo Đoàn Thạch Hãn.

Ông còn "ái mộ" bà theo kiểu "kinh khủng" của ông. Người ta ái mộ thì xin chữ ký, xin hình, còn ông thì xin... quần. Ông tới nhà nằng nặc đòi bà cho ông cái quần. Bà lấy quần của cậu Toro nay đã lớn cỡ ông mặc vừa. Ông giãy nảy không chịu, đòi cái quần của Kim Cương mới được. Bà bực quá, đưa thiệt. Lập tức ông mặc vô và rồi không chịu thay ra. Tắm xong, mặc lại. Tình bơ.

Và sau này khi ông ở nhờ nhà anh Hoài - cháu gọi ông bằng bác họ - tại Gò Vấp, thì cũng chỉ Kim Cương là người phụ nữ duy nhất được ông cho phép bước vào nhà. Nhiều lần, các bạn thơ nữ có ghé thăm ông, nhưng vừa mới nghe cháu vô báo tin là ông đã la hét om sòm, đuổi họ như đuổi tà: "Chỉ có tiên nữ Kim Cương mới được bước tới đây. Đi ra! Đi ra hết!".

Nghệ sĩ Kim Cương nói: "Tôi rất trân trọng tài năng của ông, nhưng phải nói thật là ông điên nặng, nhưng là cái điên trí tuệ, nói ra nhiều câu cực kỳ sâu sắc". Thỉnh thoảng, khi ông hơi tỉnh thì Kim Cương cũng ngồi bàn chuyện thơ văn với ông cho ông vui. Những lúc ấy, ông gọi bà bằng "cô" đàng hoàng chứ không "nương tử", không "Hàng Nga" gì hết. Nhưng có một lần, ông làm bà hết hồn. Hai người bàn luận đến Kiều, bà đọc mấy câu lỡ có sai một chút, ông liền đập

bàn, la hét, nhảy dựng lên: "Tại sao Kiều mà cô nói sai như vậy? Câu vậy mà cô nói là của Kiều hả?". Thấy ông trợn mắt giận dữ, bà cứ ngỡ ông sắp bóp cổ mình tới nơi. Bà quên mất rằng ông cũng yêu Kiều say đắm như yêu bà.

Có một chuyện nhỏ, nhưng cảm động. Kim Cương nói rằng Bùi Giáng có đóng phim gì nữa đó, chắc đóng vai phụ nho nhỏ thôi. Kim Cương nhớ khi ông lãnh tiền thù lao, liền mua hai trái xoài đem tới cho bà. Rất dễ thương.

Kim Cương bùi ngùi nhớ lại: "Suốt 40 năm, ông đối với tôi như một người yêu đơn phương, thì ngược lại, tôi đối với ông như chỗ dựa tinh thần, bất cứ lúc nào nghe ông đau ốm hay bị công an bắt, bị người ta đánh là tôi có mặt". Bởi đơn giản, trong đầu Bùi Giáng chỉ có một số điện thoại duy nhất, một địa chỉ duy nhất, đó là địa chỉ và số điện thoại của Kim Cương. Nhiều lần ông đứng giữa đường dang tay la hét, làm kẹt xe, công an tới bắt, hỏi cách gì ông cũng chỉ nói một câu: "Thân mẫu tôi là Kim Cương, ở số... Hoàng Diệu, điện thoại 844...". Thế là công an réo gọi Kim Cương. Bà đi lãnh ông ra. Chuyện đó xảy ra không biết bao nhiêu lần. Có khi ông bị té, bị thương, người ta chở vô bệnh viện, ông cũng chỉ "khai báo" y như vậy. Bệnh viện lại réo bà. Bà lại đến. Hoặc những lúc ông lên cơn, có khi vô quạu cả đám cưới nhà người ta, bị người ta đánh, bà lại đến đưa ông về. Có lần, ông xuất hiện trước nhà bà với tóc tai mặt mũi đầy máu vì mới bị ai đó đánh, bà hoảng hốt gọi xích lô cho ông đi cấp cứu. Ông không chịu: "Chùng nào cô đi với tôi thì tôi mới đi". Ừ, thì đi. Kim Cương gọi chiếc xích lô chở ông, vừa ngồi xe ông vừa nói vung vít, mặc cho Kim Cương chịu trận.

Và như thường lệ, trong cơn điên điên tỉnh tỉnh, ông lại tiếp tục làm thơ yêu qua cuốn sổ nhỏ nhét vào khe cửa nhà bà:

- Yêu nhau từ bấy tới nay

Xiết bao tâm sự từ ngày qua đêm

Thưa em nương tử dịu mềm

Bốn mươi năm lẻ êm đềm vô biên

- Đầu tiên tiên nữ Kim Cương

Cuối cùng muôn một phi thường Cương Kim

Cúi đầu bái tạ tình em

Về sau vĩnh viễn êm đềm thương nhau

- Làm thơ tiếp tục yêu em

Ồ Kim Cương ạ êm đềm vô song

Kể từ lịch kiếp long đong

Anh điều tàn tới thông dong bây giờ

...

Hư vô và vĩnh viễn

Cũng vô lý như lần kia dưới lá

Con chim bay bỏ lại nhánh khô cành

Đời đã mất tự bao giờ giữa dạ

Khi lơ nhìn viễn tượng lúc đầu xanh

Buổi trưa đi vào giữa lòng lá nhỏ

Tiếng kêu kia còn một chút mong manh

Dòng nước nở như tia hồng đốm đỏ

Lạc trời cao kết tụ bóng không thành

Lá cũng mất như một lần đã lỡ

Trời đã xanh như tuổi ngọc đã xanh

Trời còn đó giữa tháng ngày lơ dờ

Hồn nguyên tiêu ai kiếm lại cho mình

Đường vất vả vó ngựa chồn lảo đảo

Cồn sương đi vào sương lạnh miên man

Bờ bến cũ ngậm ngùi sông nước dạo

Đêm tàn canh khắc ngời nguyệt gương ngàn

Một lần đứng lên mấy lần ngồi xuống
Ngón trên tay và tóc xoắn trên đầu
Tình đếm lại muôn vàn thời đã uổng
Để bây giờ em có biết nơi đâu
Bờ trùng ngộ một phen này phen nữa
Tờ cỏ thơm như lệ ứa pha hồng
Hồn hoa cỏ Phượng Thành Hy Lạp úa
Nghe một lần vĩnh viễn gặp hư không